

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN-THỂ THAO ĐỒNG NAI

Thơ văn

HUỲNH VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI 1998

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN- THỂ THAO ĐỒNG NAI

THƠ VĂN
HUỲNH VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 1997

THƠ VĂN
HUỶNH VĂN NGHỆ

LỜI MỞ ĐẦU

HUỲNH VĂN NGHỆ sinh ngày 02 tháng 02 năm 1914 tại làng Tân Tịch (Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà; nay thuộc xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), một làng quê thuộc vùng đất **nghèo sản vật mà giàu truyền thống cách mạng** bên hữu ngạn sông Đông Nai, nơi cũng từng vun đắp những tài năng: Nguyễn Văn Nghĩa, Tô Văn Tuấn (Bình Nguyên Lộc), Lý Văn Sâm, Huỳnh Văn Bản (Hoàng Văn Bôn)... Được “gieo trồng” trong một nền giáo dục gia đình nền nếp, nhân nghĩa; Huỳnh Văn Nghệ là hình ảnh kết tinh truyền thống của quê hương, nghĩa khí của cha, đức bao dung của mẹ, bản lĩnh của các anh chị em, sự hồn nhiên của bạn bè và thiên tư của chính mình. Với hạt mầm lòng yêu nước ấp ủ từ sinh hoạt gia đình và những chuyện kể dân gian của mẹ, Huỳnh Văn Nghệ biết làm giàu “ vốn liếng” của mình, học xong sơ học ở trường quận, học tiếp trường nội trú ở trường Pétrus Ký Sài Gòn, ra làm công chức hoả xa, từ đó đến với cách mạng. Khởi nghĩa Nam Kỳ bị đàn áp, Huỳnh Văn Nghệ sang Thái Lan, liên lạc với phong trào yêu nước ở đây, sau đó lại có mặt trong đội ngũ tiên phong giành chính quyền ở Biên Hoà – Sài Gòn mùa thu năm 1945. Thực dân Pháp tái chiếm Nam Kỳ, ông cùng một số đồng chí vận động, tập hợp lực lượng, lập chiến khu kháng chiến, chỉ huy Chi đội 10 Vệ quốc đoàn Biên Hoà, Tư lệnh khu VII, Tỉnh đội trưởng Thủ Biên...Tập kết ra Bắc, ông được giao nhiệm vụ Phó Cục trưởng Cục quân huấn với quân hàm thượng tá; sau chuyển ngành sang Bộ Lâm Nghiệp; rồi lại tham gia đoàn quân chiến thắng, giải phóng Miền Nam. Ông mất năm 1977 tại thành phố Hồ Chí Minh, an táng tại quê nhà.

Hình ảnh đẹp đẽ nhất của Huỳnh Văn Nghệ có lẽ là giai đoạn chín năm kháng chiến chống Pháp gắn với chiến khu Đ kiên cường. Những lớp người tham gia kháng chiến thuở ấy vẫn còn nhớ như in một **Tám Nghệ** - nhà thơ, chiến sĩ tay guom, tay bút xông xáo khắp chiến trường Miền Đông. Người đời sau dẫu chưa từng biết mặt cũng đã có dịp “làm quen” với Huỳnh Văn Nghệ qua những trang viết: **Buổi đầu chập chững** của Bùi Cát Vũ, **Lịch sử chiến khu Đ** (NXB Đông Nai 1987, tái bản 1997), Bài viết của Đỗ Quyên trong tập sách **Người Đông Nai** của Nhà Bảo tàng Đồng Nai, Nhớ anh Huỳnh Văn Nghệ trong tập sách Vũ Trụ của Hoàng Văn Bôn, Nhà thơ - chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ của Bùi Quang Huy trong tập **Kỷ yếu 300 năm Biên Hoà- Đồng Nai** do Hội Sử học Đồng Nai ấn hành, **Bên dòng sông xanh** (NXS Tổng hợp Sông Bé...)

Với **Bên dòng sông xanh**- tập sách có lời giới thiệu của Giáo sư Hoàng Như Mai do NXB Tổng hợp Sông Bé ấn hành năm 1988 gồm 31 bài thơ và năm mẫu truyện kể mang tính dân gian viết trong giai đoạn từ 1935 đến 1976; những tương tác phẩm văn, thơ của Huỳnh Văn Nghệ có ngần ấy. Khi đến thăm nhà bà Huỳnh Xuân Lan tại thành phố Hồ Chí Minh, được xem kỹ vật gia đình gắn với **bình nghiệp** và **văn nghiệp** của Huỳnh Văn Nghệ, chúng tôi mới biết, hiện còn những giá trị văn chương khác nữa lấp lánh trong những trang di bút. Huỳnh Văn Nghệ vốn đã cẩn thận, nắn nót từng trang. Người con gái út, Huỳnh Thị Thành còn cẩn thận hơn chép lại sạch sẽ, rõ ràng, ghi chú cụ thể. Với những trang viết trang trọng như thế, Nhà Xuất bản Đồng Nai phải cố gắng hết sức mới mong xứng đáng với sự tín nhiệm uỷ thác của gia đình.

QUÊ HƯƠNG RỪNG THẮM SÔNG DÀI, NHỮNG NGÀY SÓNG GIÓ, ANH CHÍN QUÌ là bản thảo viết tay chép lại từ di bút của Huỳnh Văn Nghệ. Những trang biết này có ý nghĩa văn - sử rõ nét bởi văn chương giàu hình ảnh, đậm tính chất Nam Bộ lại giúp người đọc hiểu thêm về cái nôi gia đình và “**quê hương rừng thắm sông dài**” đã dệt tuổi thơ Huỳnh Văn Nghệ, về “**những ngày sóng gió**” của tác giả trong vòng khùng bố của Nhật, Pháp ở Thái Lan cũng như ở Sài Gòn; về “**anh Chín Quì**” với cuộc sống bần cùng, chon chát và con đường đến với cách mạng. Cùng với những tài liệu đã công bố rộng rãi trước đây, những trang viết mang tính hồi ký này như một dấu nối liền mạch để hiểu rõ hơn, đủ hơn về đời sống cách mạng, tình cảm cách mạng của Huỳnh Văn Nghệ đối với quê hương, gia đình, bạn bè, đồng chí.

Thơ của Huỳnh Văn Nghệ đã được đăng in ở nhiều nơi, lần này, NXB Đồng Nai chọn từ tập thơ chép tay do chính tác giả viết, sửa, bổ sung. Nhiều bài thơ chưa thấy trong các tập thơ trước, như: **Trôn học, Tinh sủng, Xuân chiến khu, Mát Tân Uyên, Bức tư thành, Hình ảnh Bác Hồ trong lòng dân Nam Bộ, Trở về, Một trận chống càn, Hành quân, Mẹ Nam con Bắc, Rừng đẹp...**; cũng có nhiều bài khác nhiều so với những bài đã phổ biến, như: **Sông Đồng Nai, Em bé liên lạc, Cái chết của anh Xiểng, Cây thông già và anh thợ rừng...**Sự thiếu, thừa, khác biệt có thể gây ngỡ ngàng nhưng đó là một cách để tôn trọng nguyên tác.

Những mẫu truyện mang tính dân gian: **TRẬN MĂNG XÀ, SÁU ĐỎ MŨI, TIẾNG HÁT TRÊN SÔNG ĐỒNG NAI, CHÙA ÔNG MỠ, MÁT ĐỒN MỸ LỘC** được chọn, biên tập theo **Bên dòng sông xanh** của NXB Tổng hợp Sông Bé, 1988; nhằm bổ sung để người đọc tiếp xúc đầy đủ với những trang viết nhiều dạng của Huỳnh Văn Nghệ.

Câu thơ ghi ở mộ bia đã nói hộ nỗi niềm của nhà thơ – chiến sĩ:

...Gởi lại bạn những vần thơ trên cát

Và giờ đây tôi qua bến, lên đường...

Huỳnh Văn Nghệ đã thanh thản “qua bến, lên đường”, những “vần thơ” gửi lại vẫn tươi nguyên sự sống; qua đây có thể hiểu, cảm về một thời gian lao mà anh dừng qua ngòi bút “động đáy lòng thi sĩ” của ông; cũng qua đây NXB Đồng Nai cùng độc giả thể hiện tâm lòng “bến tường thuyền xưa” đối với nhà thơ - chiến sĩ đã tạc hình ảnh mình vào bia lòng của nhân dân.

HUỲNH VĂN TỚI.

CHƯƠNG MỘT

Mỗi chiều, mặt trời lặn dần sau mấy rặng cây dầu, cây sao bên kia sông Đồng Nai, trước nhà tôi. Bóng cây từ bên kia sông ngả dài dần ra giữa sông như những cái lưỡi đen khổng lồ đang uống nước. Hôm thì nước lớn, dòng sông trong xanh mát ngọt, bữa thì nước ròng sông cuốn theo dòng rác rưởi, gỗ mục, thân chuối bập bênh. Vậy mà những cái lưỡi đen kia vẫn cứ uống như đê thoả cơn khát suốt một ngày nắng hạ.

Trời vừa sập tối thì gia đình tôi cũng vừa ăn cơm chiều xong. Mẹ tôi đi rửa chén bát. Chị Sáu tôi chừng mười tuổi, bé em tôi đặt lên chiếc võng, ru nó ngủ. Hôm nào chị cũng bắt đầu bằng câu hát mà tôi đã thuộc lòng:

*“Áu ơ ơ... Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi ơ ơ”*

Cha tôi người không to cao lắm, cái mũi lúc nào cũng đỏ hơn mũi của những người khác trong làng tôi, tóc ít, gom lại sau ót thành một cái đầu tóc nhỏ hơn của mẹ tôi rất nhiều. Ông ăn cơm xong trước cả nhà và tự rót một bát nước chè Huế thật to mà uống. Bát nước nóng, hơi còn lên nghi ngút, thế mà ông vẫn uống cạn một hơi.

Tôi thường hay đứng cà rà bên cha tôi sau mỗi bữa cơm chiều không phải chỉ để xem ông uống nước chè Huế nóng, vắn điệu thuốc bằng lá cò – ke (một thứ lá cây rừng còn tươi), hay xem ông quán chiếc khăn lông to lên đầu, mà còn để len lén nói nhỏ với ông:

-Tía, bữa nay tía cho tui theo với.

Nhưng ông già ác thật, mình chỉ nói nhỏ cho mình ông nghe thôi, vậy mà ông trả lời rất to cho cả mẹ và chị tôi nghe:

- Không được, tối nay tía đi xa lắm, con đi không nổi đâu, ở nhà với má mày.

Tôi còn đang bực tức với cha tôi thì mẹ tôi từ dưới bếp đã mắng lên như búa bổ:

-Thằng Nghệ lại đòi đi nữa hả? Hồi chiều đã dặn rồi, bằng ngón tay út người ta mà cũng đòi đi học võ. Má bảo tối nay má kể chuyện đời xưa cho hai chị em mày nghe kia mà, quên rồi hả?

Tôi lặng yên không dám hó hé một tiếng nào nữa. Chị tôi vừa co chân đạp mạnh vào vách tường để đưa võng vừa nhìn tôi cười như muốn chọc tức tôi. Cha tôi rút cây côn bằng tầm vông già bóng loáng dựng bên cửa rồi bước ra đi. Tôi muốn chạy theo lắm. Có lần tôi cứ chạy bừa theo cha tôi như vậy mà mẹ tôi không hay, rồi sau bà cũng phải chịu. Nhưng lần này thì chị cứ ngó chừng tôi mãi, liệu bề khó thoát tôi đành phải ngồi phịch xuống đất nhìn ra bờ sông. Bất giác tôi thềm được như dòng nước sông Đồng Nai tự do chảy lên chảy xuống không có cha mẹ nào ngăn cản được.

☆☆☆

Tôi không sao hiểu nổi những thói quen kỳ lạ của người lớn. Cha tôi thì hay ăn ớt hiểm cả trái mà không la cay, uống nước trà nóng còn bốc hơi mà không nóng miệng, hút thuốc bằng lá cò – ke và thỉnh thoảng lại uống cả hai xu rượu mà không sao cả. Hôm nào có được hai xu rượu trong bữa ăn chiều thì thấy ông vui hẳn lên. Ăn cơm xong ông không xách côn đi liền mà còn múa một vài đường võ ngoài sân cho chúng tôi xem trước, hay lắm. Mẹ tôi không hút thuốc, không uống rượu thì lại hay ăn trà. Hôm nào muốn nghe chuyện đời xưa tôi cũng phải ngồi chờ rất lâu. Rửa chén bát xong, bà thổi lửa thấp đèn bung lên để trên chiếc bàn giữa nhà. Vừa ngồi xuống ván là bà với tay lấy một lá trầu trong cái rổ trầu để sẵn trên ván. Mẹ tôi bao giờ cũng ngắt đuôi lá trầu bỏ đi rồi mới tằm vôi vào, xếp lại kỹ như gói bánh rồi mới bỏ vào miệng với một miếng cau khô mà nhai, trông ngon lành như trẻ con nhai ổi. Trước ánh đèn dầu, mặt bà sáng ra, mặt bà đỏ ửng như trẻ hẳn lại. Lúc ấy cũng là lúc em tôi đã ngủ say, chị tôi cũng thôi hát, chỉ còn chiếc võng đu đưa phát ra tiếng cọt kẹt trên đầu cột thì mẹ tôi mới bắt đầu nói:

- Hồi xưa... Ông bà mình từ ngoài Huế đi vào khai phá rừng này. Lúc ấy chưa có đường xá gì đâu, chỉ có đồng hoang rừng rậm. Họ đi lần theo chiều nước ròng của con sông này. Đi đến đâu thì phá rừng, lập làng lập ấp đến đó. Sinh cư lập nghiệp mãi mới thành tỉnh Biên Hoà của mình đây cũng như các tỉnh khác của xứ Nam Kỳ. Từ ngoài Huế vào đây có lẽ vì thấy vùng này đồng rộng mà nhiều nai nhất nên ông bà mình đặt tên cho con sông này là sông Đồng Nai. Biên Hoà ngày xưa còn có tên là Biên Hùng gồm luôn cả hai tỉnh Bà Rịa và Thủ Dầu Một. Quận Tân Uyên mình thì mới cách đây vài năm còn có tên là Thủ Đồn Sứ giàu có lắm con à. Dưới sông thuyền bè tấp nập, trên bờ xe ngựa dập dìu, nhà ngói, đình chùa san sát, hội hè linh đình chứ không buồn như bây giờ đâu.

-Tới đời ông nội ông ngoại con thì giặc Tây lên cướp nước mình. Tụi Tây ở xa lắm, nó đi bằng tàu chiến sang đây không được mấy thằng nhưng vì nó có tàu sắt và súng lớn nên mình đánh không lại. Vua của mình thì hèn nhất, mới thua có mấy trận là đã đầu hàng ký giấy dâng cho Tây trước hết là ba tỉnh miền Đông là tỉnh mình, tỉnh Gia Định, tức là Sài Gòn bây giờ và Định Tường là Mỹ

Tho bây giờ rồi dần dần dâng hết cho Tây. Ông bà mình lúc đó giận vua và thù Tây ghê lắm. Dân mình nổi dậy chống vua và giết giặc khắp nơi nhưng chỉ có gậy gộc, giáo mác, hoả mai và dùi nổ thì không chống lại nổi với tàu sắt, tàu đồng nên đành chịu mất nước. Hồi đó vùng này chống Tây lâu lắm, chín mười năm sau ngày vua mình đầu hàng giặc. Trong quận Tân Uyên này bây giờ cũng còn nhiều dấu tích rồi thùng thảng má sẽ kể hết cho con nghe...

Em tôi thức giấc khóc oe lên. Chị tôi vừa co chân đạp mạnh vào vách để đưa mạnh chiếc võng vừa cất giọng hát lớn:

*U ù ơ ơ... Vì dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dĩa cho rồi bậu ra...*

Chiếc võng chao qua chao lại làm hai đầu cột lại kêu cọt két rất to. Mẹ tôi lại thêm thêm một miếng trầu khác rồi nhấc tấm cửa tre khép lại, không hiểu vì sợ gió lạnh hay vì sợ tắt ngọn đèn dầu.

- Ở quên nữa, thằng Nghệ đi đái đi con, không tói đái dầm trôi mát cha mày đạ.

Tôi ngoan ngoãn vâng lời, hé cửa chạy ra góc xoài trước sân nhà. Khi tôi trở vào thì mẹ tôi tiếp tục kể:

- Cách chợ Tân Uyên chừng cây số có một cái gò cao trên bờ sông gọi là gò Lũy. Chỗ đó ngày xưa, sau khi giặc chiếm Biên Hòa, ông bà mình kéo về dựng lên cái đồn kháng chiến đầu tiên của vùng này. Đồn nằm trên gò cao có súng đại bác chĩa ra bốn phía như một con nhím xù lông nhọn ra nằm chịu trận khi bị rượt vây. Sông Đồng Nai ở đoạn này tuy sâu nhưng hẹp. Tàu Tây chạy qua đây phải chạy sát bờ nên dễ bị ăn đạn súng thần công của ta. Nhờ đồn Lũy kiên cố nên mãi mấy năm sau, khi các quận khác như Bà Rịa, Thủ Dầu Một đã thất thủ mà Tân Uyên vẫn còn trong tay đồng bào và nghĩa quân ta. Về sau giặc cho quân kéo lên ba mặt, một cánh bộ binh đi từ Biên Hoà lên, Bình Ninh bên kia sông, một cánh khác từ Thủ Dầu Một sang bọc hậu sau gò Lũy phối hợp với đoàn tàu chiến bắn đại bác như mưa vào đồn mình. Vậy mà đánh suốt một ngày chúng vẫn không hạ được đồn, không tiến được vào chợ Tân Uyên.

Thế ta yếu, thấy liệu không giữ nổi ngày sau nên trong đêm ấy nghĩa quân liền nổi lửa thiêu huỷ cả đồn và thị trấn này rồi rút theo sông Đồng Nai lui về làng Mỹ Lộc. Làng Mỹ Lộc xưa gồm ba xã Tân Tịch, Tân Hoà và Mỹ Lộc bây giờ nằm cách Tân Uyên chừng bốn năm cây số. Về đây nghĩa quân không đóng quân ở bờ sông nữa mà xây đồn dựa lưng vào rừng sâu trên một cái gò cao ngày nay gọi là Gò Đồn, nơi tía mày đang dạy võ cho học trò đó. Ông bà mình tiếp

tục chiêu binh mãi mã tụ tập anh hùng nghĩa sĩ rất đông. Đồng bào khắp nơi trong tỉnh kéo về đây tình nguyện gia nhập hàng ngũ nghĩa quân, vừa để tránh nạn giặc Tây. Ông ngoại, bà ngoại con hình như cũng không phải người gốc ở Mỹ Lộc mà ở đâu vùng chợ Búng, Lái Thiêu theo cha mẹ về vùng rừng này sau khi Lái Thiêu, Thủ Dầu Một bị giặc chiếm.

Tây thì đóng ở Tân Uyên, vậy mà ở Mỹ Lộc nghĩa quân ngày một đông thêm, đồn Mỹ Lộc ngày càng kiên cố. Ngày đêm tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, tiếng loa vang trời dậy đất ở góc rừng ấy. Bộ binh của giặc thì chưa dám đánh đường rừng. Tàu chiến của chúng cũng chưa dám chạy trên khúc sông nhiều đá ngầm này, vì vậy mà Tây đành chịu để cho nghĩa quân bành trướng thế lực ở đây một thời gian rất lâu. Nghĩa quân ta đi bộ, đi thuyền, cưỡi ngựa đi đánh giặc khắp nơi trong tỉnh. Tháng nào cũng có bắt được Tây và Việt gian phản quốc đem về xử tội làm lễ cờ tại đồn Mỹ Lộc cho đồng bào coi. Bà ngoại bây kể lại tội Tây cũng nhiều thằng hèn nhát lắm. Bị bắt, sợ chết nó cũng bắt chước Việt gian phản quốc chấp tay lạy nghĩa quân sát đất để xin tha.

- Mình có tha thằng nào không hả má?

- Có nhiều chó! Nhưng mỗi lần tha phải ra dấu cho nó hiểu phải đi về Tây đi, hễ bị bắt lại lần sau thì không tha nữa. Trước khi thả phải xăm lên mặt nó một chữ nhất để biết mà phân biệt nó với những thằng bị bắt sau này. Nếu không làm sao mà phân biệt được, tội nó giống nhau lắm, trắng nõn, mũi cao, mắt đục, tóc vàng hoe, nói chuyện thì nghe như pháo nổ.

Hồi đó ông bà mình thù Việt gian cũng như thù Tây vậy, có khi còn hơn nữa. Người ta nói nếu không có Việt gian thì giặc Tây dù có nhiều súng đạn cũng như điếc, như mù không làm gì được dân mình đâu.

- Nhưng tại sao người ta lại đi làm Việt gian hả má?

Chị tôi lại hỏi. Mẹ tôi có vẻ lúng túng. Bà nhỏ miếng bã trầu xuống đất rồi mới trả lời:

- Việt gian là... do chó chết đầu thai lên thành người. Ngày thường thì họ giống như người, không ai biết gốc tích của họ. Nhưng khi nước loạn tánh chó của họ mới lộ ra, không còn biết gì đến nhân nghĩa, sợ chết, chạy theo com thừa canh cặn của giặc. Có nhiều thằng theo Tây mãi rồi cũng bị Tây giết. Có nhiều thằng cũng được Tây phong cho làm chức này chức nọ. Nhưng tất cả những thằng Việt gian bị mình giết đều đầu thai lại làm chó, có thằng lúc sắp chết còn tru lên giống hệt như chó tru vậy...

Con chó vàng đang nằm ngủ bên cánh cửa nghe mẹ tôi nói tự nhiên mở mắt ngóc đầu nhìn lên. Không thấy ai cho ăn gì, lại thấy tôi nhìn nó một cách khác thường nó ngoắc đuôi mấy cái rồi lim dim ngủ lại. Trước đây tôi mến nó lắm, nay bỗng thấy sợ và ghét nó. Tôi tự hỏi sao người ta không giết hết chó đi? Có phải chó càng bị giết nhiều thì càng đầu thai nhiều Việt gian? Có lẽ vậy mà dân làng tôi nuôi chó giữ nhà mà không giết chó bao giờ? Tôi rất thoả mãn cách tự giải đáp của mình và tự nhiên thấy buồn ngủ.

- Má nói ở gò Đồn có nghĩa quân, có ngựa, có loa sao hôm trước con đi với ba lên đó không thấy gì hết, chỉ thấy trâu ăn cỏ trên gò mà thôi.

- Cái thằng hỏi kỳ cục quá! Má nói chuyện đời xưa chứ đâu phải chuyện bây giờ đâu. Để má kể tiếp cho mà nghe.

- Ừ...bây chưa buồn ngủ thì má kể nữa. Đồn Mỹ Lộc là đồn cuối cùng của nghĩa quân ở vùng này, mới mất cách đây chừng bốn chục năm thôi. Năm ấy là năm Thìn, cũng là năm bà ngoại sanh má. Trước năm mất đồn, ông bà và nghĩa quân ở vùng này đã phải trải qua mấy năm mất mùa thiếu đói dữ lắm. Hồi đó cũng như bây giờ, vùng này chỉ có một ít ruộng nương ven hai bờ sông, còn phần lớn đất đai là rừng thẳm. Lúa khoai thì ít mà nghĩa quân ngày một đông. Đồn bào các nơi khác lánh nạn về ngày càng nhiều thì làm sao mà đủ ăn được. Tụi Tây biết vậy càng ra sức bao vây chặn hết các ngã đường chở lương thực từ nơi khác về. Nghĩa quân và đồng bào phải vào rừng sâu tìm củ nằng, củ nho rừng, quả trám, măng le và rau rừng ăn đỡ đói. Nghè võ mà thiếu ăn thì tập luyện có ra gì. Nghĩa quân được lệnh phân tán dần dần, đi từng toán nhỏ về hướng Tây, nơi có nhiều lúa. Đồn Mỹ Lộc thu hẹp dần dần, từ mấy nghìn quân chỉ còn năm trăm người toàn là những người có cha mẹ vợ con ở huyện Tân Uyên này. Họ tự cho mình có bốn phạm bảo vệ vùng đất quê hương này đến cùng. Năm Thìn ấy vùng này bị một trận bão to chưa từng có. Nước sông Đồng Nai dâng lên ngập cả ngọn dừa. Dòng sông hoá thành biển nước mênh mông. Nước dâng lên tận chân đồn Mỹ Lộc. Đồng bào trong làng dắt díu đùm bọc nhau vào rừng tránh lụt và kiếm thức ăn. Nhân cơ hội này, giặc Tây mang tàu chiến lên đánh đồn. Liệu không giữ nổi đồn trong lúc nghĩa quân đói rét và lũ lụt, tướng Hoàng Lễ bèn ra lệnh bỏ đồn rút lên những ngọn đồi cao hơn ở vùng Lạc An. Có hơn một trăm nghĩa quân, phần đông là người làng mình không chịu tuân lệnh, xin tình nguyện ở lại đồn quyết tử với giặc. Tướng Hoàng Lễ buộc lòng phải đồng ý. Trước khi rút đi, ông làm lễ để tang cho số nghĩa sĩ ở lại. Trong buổi lễ, nghĩa quân cùng đồng bào đều khóc như mưa. Người chỉ huy toán nghĩa quân ở lại tên là Hoàng Hồ, con trai của Hoàng Lễ, văn võ song toàn, một mình ông có thể đương cự với trăm người như không. Ông ra lệnh cho nghĩa sĩ bỏ hết súng, chỉ dùng gươm giáo, mã tấu và dao găm mai phục thật kỹ trong đồn bỏ trống cửa. Giặc Tây đến làng mình thì thấy đồn vắng lặng, không một tiếng súng nổ, không một tiếng trống thúc, không một ngọn cờ bay. Nhìn về phía Lạc An, trên ngọn

núi Bà Én thì quân reo, cờ phất, loa vang như sẵn sàng nghênh chiến. Giặc ngỡ quân ta bỏ đồn rút hết nên nhảy ra khỏi tàu đổ bộ vào đồn để tịch thu vũ khí lương thực và triệt hạ đồn. Toán quân đầu của chúng bị quân mai phục của ta đánh bất ngờ, trở tay không kịp bị tiêu diệt gần hết. Biết mắc mưu của ta, giặc dùng đại bác bắn xối xả vào đồn như mưa bão, sấm sét. Tiếng đạn nổ vang trời dậy đất. Biết không thể nào cự nổi với giặc, Hoàng Hồ tập trung số nghĩa quân còn lại nói rằng: “Trận này ta thua giặc là tại trời chứ không phải tại ta. Nay ta chết vì nước phải chết cho oanh liệt. Đây ta cho mỗi người một liều độc dược, các người hãy cùng ta uống trước khi giặc đổ bộ vào thành”. Mười hai cánh tay đưa ra nhận mười hai liều thuốc rồi cùng một lượt bỏ vào miệng nuốt. Mười hai cặp mắt nhìn nhau, người ngã trước kẻ ngã sau đến người cuối cùng thì giặc đã vào đến cửa...Đông bào thương tiếc các nghĩa sĩ thường gọi gò này là gò *Trăm quân*. Sau giặc chiếm vùng này, chúng cấm không cho gọi tên đó và đổi tên gọi là gò *Cây Trâm* mượn có ở đây có nhiều cây trâm. Đông bào rủ nhau đốn hết trâm làm củi rồi gọi lại nơi đó là Gò Đồn cho đến bây giờ.

Mẹ tôi ngừng kể, đêm đã khuya, từng chiếc lá xoài rơi ngoài sân nghe lách tách. Ngọn đèn dầu mờ dần, con thạch sùng tắc lưỡi từng hồi dài như muốn nói lên những nỗi thương tiếc và cảm phục của mẹ tôi đối với nghĩa quân. Tôi kê đầu lên bấp vế của mẹ, ngủ quên lúc nào không biết.



Nhà tôi hôm nay dường như có chuyện gì khác thường lắm. Mẹ tôi đi đâu từ sớm mãi đến xế chiều mới về. Như thế là bà về sớm hơn ngày thường. Cũng khác mọi ngày là không gánh gánh hàng trên vai, lại mặc quần áo rất diện, coi trẻ hẳn ra. Bà đã đi cả ngày mới về mà cái áo dài xuyên đen bà mặc vẫn còn nguyên lần xếp như mới lấy trong rương ra. Tôi biết bà sợ tôi đòi theo nên đã trốn đi lén. Tôi giận, thấy mẹ về không thêm mừng, đứng quay mặt chỗ khác. Bà không nói gì, rón rén bước đến sau tôi rồi thò tay đưa ra trước mặt tôi một cái bánh cúng (loại bánh tét nhỏ, dài độ một gang). Tôi sợ không cầm thì mẹ cho chị Sáu mất, liền vội vồ lấy rồi nói dối:

- Con không thèm ăn đâu. Má trốn con đi ăn giỗ không cho con theo. Lại cúng cơm cho bà ngoại ở nhà cậu Năm chớ gì? Ai không biết mà giầu!

Chị Sáu tôi cười ngất:

- Mày ngu quá! Má đi chùa cúng rằm mà không biết. Cúng cơm bà ngoại gì mà cúng hoài vậy. Mấy bữa trước cúng rồi, mày được đi chớ tao phải ở nhà ấm em, mày quên rồi à?

Tôi sực nhớ ra hôm nay là ngày rằm. Thật đúng vậy, vì không những tôi được ăn bánh cúng mà còn sắp được ăn một bữa cơm ngon nữa. Mẹ tôi đang kêu chị Sáu tôi đi nấu nước để làm thịt gà nữa kia. Con gà mái bị mẹ tôi cắt tiết còn đang giãy đành đạch mà mẹ tôi đã vội bảo tôi:

- Thăng Nghệ lấy chai đi mua cho tía mày hai xu rượu đi. Ông về tới bây giờ đa con.

Nhà chú Sú, chỗ bán rượu, cách nhà tôi độ vài trăm thước. Tôi là khách hàng quen thuộc của chú. Lần nào cũng vậy, tôi xách cái chai xị có nút bằng bần và chỉ mua đúng hai xu rượu thôi. Chú Sú đã quen với cách mua rượu của tôi. Khi tôi từ nhà chạy thẳng một mạch tới quán của chú đóng rượu vào rồi đưa chai lại cho tôi xách về mà không phải nói năng gì cả. Bận về, phần vì mệt phần vì phải cầm chai rượu sợ đổ, tôi không chạy nữa. Tôi đi chậm chậm và nghĩ mông lung. Cái chú Sú này sao ông hay quá, không nói gì hết cũng biết mình mua hai xu rượu mà bán. Không lẽ tại chú ta là người Tàu? Ủ! Khôn lanh như vậy mới giàu được. Nghe nói má còn thiếu nợ ông tới mấy đồng bạc gạo lận. Nhà sao thiếu tiền mua gạo mà má còn mua rượu. Rượu có ngon không? Tôi mở nút chai ra ngửi thử. Hơi rượu nồng bốc lên cay cả mắt. Có lẽ phải uống mới ngon chăng? Tôi đứng lại, nhẹ nhàng nghiêng chai rót một chút rượu vào miệng. Rượu nóng như đốt cả lưỡi. Tôi vội phun phèo phèo xuống đất vừa nhìn theo xem có khúc lưỡi nào của mình bị cháy rụng theo không? Không có, chỉ có nước miếng thôi. Yên trí, tôi đập nút chai lại xách về như không có chuyện gì xảy ra.

Thường ngày mấy ngón tay của mẹ tôi hay dính đồ cốt trâu nên tôi rất khó chịu. Vậy mà hôm nay sao tay bà sạch thế! Mấy ngón tay bà xé thịt gà luộc thấy mà mê. Mỡ gà béo ướt đượm mấy ngón tay mẹ tôi. Mùi dấm thanh, hành, tiêu xông lên, ngửi không cũng muốn chảy nước miếng. Mẹ tôi bóc một miếng thịt cho tôi ăn thử. Miếng thịt nhỏ quá, tôi chỉ muốn liếm mấy ngón tay của bà cho đỡ thèm, nhưng mẹ tôi đã lấy tay về và tiếp tục xé thịt. Cái đầu và hai cái đùi gà mẹ tôi không xé mà để qua một bên. Đó là phần để cha tôi nhắm rượu. Những thứ đó là bất khả xâm phạm, có lẽ chừng nào lớn bằng tía tôi tôi mới được gặm nguyên một cái đùi gà như vậy chăng? Nhưng tôi không phải ao ước lâu, mới ngòi vào mâm là cha tôi đã cho tôi ngay một cái đùi gà:

- Đây là tía thưởng con sáng nay không đòi đi theo má, ở nhà không nhõng nhẽo với chị mà tối nay cũng không đòi đi theo tía nữa, nghe không?

Má tôi cản:

- Minh ăn đi mà, tối nay có phần xôi chè nữa. để cái đùi đó cho tía uống rượu cho ngon con.

Liếc thấy cha tôi nheo nheo một con mắt, tôi hiểu ý cảm cúi gặm hết cái đùi gà.

Trăng đã lên, soi sáng góc rừng Gò Đồn. Cũng như mọi đêm rằm khác, hể trăng vừa sáng là nước sông đã lên đầy rồi, ngập cả cái cầu tắm của nhà tôi. Tưởng như mọi lần, ăn cơm xong tôi ra sân chờ xem cha tôi múa võ vì hôm nay ông đã uống hai xu rượu lại còn ăn thịt gà nữa. Nhưng ăn xong ông vội vã uống nước, đốt điếu thuốc rồi xách côn đi ngay về phía bìa rừng. Thôi đành vậy. Tôi thất vọng, lững thững ra sau vườn, ngồi lên chạc ba, lưng dựa vào nhánh cây lớn nhất ngấm trăng lên. Trăng rằm đẹp lắm, tròn như một cái mâm bằng vàng chạm hình cây đa chú cuội bằng ngọc xanh. Mình mà lên được trên đó chắc chú cuội tha hồ mừng. Ngồi mãi một mình dưới gốc đa chắc buồn lắm. Nhưng có phải chú cuội ở một mình đâu. Lúc nào cũng có nhiều cảnh vật bằng mây đến chơi với chú. Các đám mây hình như con thú này, con thú khác, có khi giống như mặt ông Thiện, lúc giống mặt ông Ác. Khi lại giống như một bông hoa, lúc thì giống nguyên một tảng núi khổng lồ bay ngang chân chú cuội, như muốn che lấp cả chị Hằng. Không biết có đám mây nào giống món gà xé phay hay giống mâm xôi chè không há?

Nhớ đến nồi chè tôi liền leo xuống và chạy vào nhà. Mẹ tôi đã dọn dẹp dưới bếp xong xuôi. Em tôi đã ngủ say. Chiếc võng đung đưa nhẹ nhẹ phát ra tiếng kêu khe khẽ ở đầu cột.

- Xôi, chè đâu má?

Mẹ tôi cười :

- Mới ăn cơm xong mà đói rồi à? Xôi chè phải đợi cúng xong mới ăn chớ. Mà khuya mới cúng lặn. Đứa nào thức nổi thì ăn, không thì sáng mai dậy ăn cũng được.

- Má kể chuyện đời xưa nữa thì con thức được ngay.

- Con cũng vậy! Chị tôi nói.

Mẹ tôi bỏ miếng trầu vừa tằm xong vào miệng chậm chậm nhai rồi bắt đầu:

- Ồ...Hồi xưa...

Nhưng bà bỗng ngừng ở đó, rồi quay sang chuyện khác:

- Hồi sáng này má đi chùa mà giận quá tao bỏ về luôn. Có nhiều bà cũng như má, họ mang cả nhang đèn, bánh trái về tối nay cúng riêng.

Thấy hai chị em tôi tỏ vẻ không hiểu, bà giảng giải:

- Nào giờ chùa này thờ một ông Phật khác, năm nay tượng cũ dời đi đâu rồi, thay vào đó là một cái tượng lạ hoắc. Ông thầy chùa già cũ cũng đội đi rồi, một thằng học trò trẻ thay thế, thấy mà ghét.

Bà im lặng một hồi lâu, ngồi trên ván nhai trầu. tôi định lên tiếng giục thì mẹ tôi cất lời:

- Chuyện về cái chùa làng Tân Hòa là như vậy: Lúc còn nghĩa quân và đồn Mỹ Lộc, ông bà mình sợ nhất là tàu chiến của giặc từ Tân Uyên chạy lên vùng này bắn phá. Đồng bào và nghĩa quân cùng nhau hiệp lực đắp một cái đập ngang sông tại làng Tân Hoà, cách Tân Uyên chừng ba cây số. Bây giờ giữa sông vẫn còn mấy tảng đá lớn nằm giữa sông mà lúc nào ai cũng thấy. Đó là dấu tích của cái đập không lồ ngày xưa đó. Bên cạnh đập là Xóm Đền, chính là nơi ông bà mình dùng dầu chai và tre nửa khô làm đèn, kết lại thành những bè lửa thả đầy sông đón đốt tàu địch. Cũng ở gần đó có cái chùa của làng Tân Hòa nằm trên ngọn đồi cao bên bờ sông mà trước nay mình vẫn gọi là chùa Ông Mõ. Đồng bào mình đi lễ ở chùa này nhiều nhất là tết và những ngày rằm. Hồi đó, dọc theo hai bờ sông, ông bà mình và nghĩa quân canh gác tàu địch rất kỹ. Từ Tân Uyên lên đến Lạc An cứ mỗi cây số là có hai trạm gác ở hai bên bờ sông. Phần lớn người ta báo hiệu bằng mõ tre. Khi báo động thì đánh ba tiếng liên tiếp thành từng hồi: cóc, cóc, cóc... cóc, cóc, cóc...đánh đến khi nào giặc qua khỏi trạm gác mới thôi. Khi nào thấy tàu giặc rút về thì đợi cho chúng qua khỏi trạm gác đánh mõ báo an bằng hiệu mõ ba hồi dài kèm ba hồi ngắn đánh thông thả. Trạm gác xóm Đền là trạm gác chính vì nó ở gần Tân Uyên nhất. Gác trạm xóm Đền là hai vợ chồng già rất cần mẫn lại gan dạ. Dù đứng trên đồi cũng nhìn được hết khúc sông Đồng Nai từ Tân Uyên đến Tân Tịch rồi, nhưng ông đã cẩn thận cất một cái chòi gác trên ngọn cây dầu to trên đồi. Ngày đêm ông bà thay nhau trèo lên ôm mõ ngồi gác trên đó, dù trời mưa nắng không bao giờ vắng mặt. Vừa canh gác vừa cuốc đất trồng khoai, bắp, đan rổ rá để sinh sống. Mỗi khi thấy khả nghi thì ông lại gọi bà hay bà kêu ông lên ngó lại cho chắc chắn để đánh mõ báo động. Đồng bào và nghĩa quân rất tin tưởng hiệu mõ của trạm xóm Đền. Nhờ nó mà nhiều lần dân mình kịp tránh được giặc và mai phục đánh lại chúng. Có món ăn nào ngon, hay săn được thú rừng, mọi người thường đem biếu hai vợ chồng già như để tiếp thêm sức cho canh gác tốt. Bọn Tây ở Tân Uyên dần dần cũng biết chuyện. Chúng rắp tâm trừ diệt trạm gác này để có thể dễ dàng đánh sâu vào vùng căn cứ của nghĩa quân.

Một ngày kia đoàn tàu chiến giặc từ Tân Uyên kéo lên. Mõ báo động thúc vang trời, lần này tiếng mõ của trạm xóm Đền đánh mãi không thôi mỗi lúc càng to, càng gấp. Đồng bào hai bên bờ sông đã tản cư vào rừng hết. Nghĩa quân đồn

Mỹ Lộc đã được chuẩn bị sẵn sàng nghênh chiến từ lâu mà tiếng mõ vẫn thúc liên hồi. Trên ngọn cây dầu cao hơn ngọn dừa trước nhà mình hai vợ chồng ông gác nhìn thấy rõ từng chiếc tàu giặc chạy từ Tân Uyên lên Tân Tịch, ống khói đen sì phun khói mịt mù, chân vịt đập nước cuộn sóng trắng xoá sau lái. Cả khúc sông xanh nổi sóng to như đang bão táp. Những chiếc ghe, xuồng của đồng bào, chưa kịp dấu bị sóng đập nhảy chồm chồm như muốn lên bờ chạy trốn bầy thú dữ. Súng đại bác của giặc bắn xối xả vào hai bên bờ sông. Những ngọn dừa trúng đạn gục đầu, rũ lá tả tơi. Mấy trái đạn đại bác bay sạt qua ngọn cây dầu làm lá cành đổ xuống rào rào. Hai ông bà thay phiên nhau đánh mõ. Đánh rã cả tay mà chiếc tàu cuối cùng của giặc vẫn chưa qua khỏi trạm gác. Nó lại quay mũi vào bờ. Biết chúng muốn đổ quân lên bờ, ông già liền bảo vợ leo xuống chạy đi báo cho nghĩa quân chặn đánh. Bà chần chừ muốn giành ở lại đánh mõ để ông chạy đi. Giằng co một hồi, bà phải chịu xuống thang đi báo cho nghĩa quân.

Bọn giặc đổ quân lên bờ nghênh ngang kéo nhau lên đồi. Cuối cùng chúng xúm lại đứng ngay dưới gốc dầu, vậy mà trên ngọn dầu tiếng mõ báo động vẫn đánh vang rền. Thằng chỉ huy râu xồm chĩa súng nhắm vào ông già và nói gì đó. Một thằng Việt gian thông ngôn lại: “Đánh mõ báo an rồi xuống đầu hàng ngay lập tức, ông lớn sẽ cho mày làm quan. Không nghe thì chết đừng có trách”. Thằng thông ngôn nói đi nói lại câu nói tới ba lần rất cổ hợm mà tiếng mõ báo động mỗi lúc một hăng và mạnh lên như muốn át đi những lời dơ bẩn ở dưới gốc dầu vọng lên tai ông lão. Một phát súng nổ. Cánh tay mặt của ông lão vừa giơ lên bỗng buông thõng xuôi theo thân hình gầy ốm, bàn tay bỗng chốc buông rơi cây dùi lại vội vàng nắm chặt lại. Một dòng máu đỏ tươi chảy dọc theo cánh tay xuống đầu dùi nhỏ giọt xuống đất. Ông già dường như đứng sững trên chòi gác trong giây lát. Bất thành linh cánh tay trái của ông đang cầm cái mõ bằng tre già bóng loáng đưa thẳng lên trời, rồi cả thân hình ông lão đột ngột lao thẳng từ ngọn dầu xuống chỗ thằng Tây râu xồm đứng. Thằng Tây hốt hoảng bóp cò súng. Nhưng không ai nghe tiếng súng nổ chỉ nghe tiếng gõ rùng rợn của chiếc mõ tre đập xuống đầu tên giặc. Thằng Tây râu xồm chết không kịp ngáp, óc nó phọt ra trắng xoá gốc cây dầu.

Cùng lúc đó nghĩa quân của ta vừa kéo tới, cung tên, đạn súng kếp của nghĩa quân cùng tiếng hò la tiếp ứng làm cho quân giặc hốt hoảng. Chúng vội vàng khiêng xác tên chỉ huy chạy vội ra sông rút xuống tàu mang theo nỗi kinh hoàng khiếp đảm khi tận mắt thấy cái chết của lão... nông dân miền đất này. Khi bà vợ ông lão và toán nghĩa quân kéo đến dưới gốc dầu thì ông lão đã trút hơi thở cuối cùng. Bàn tay trái của ông vẫn còn nắm chặt cái mõ tre đầm máu. Người ta chôn ông trên ngọn đồi và lập chùa để thờ cúng ông. Mấy năm trước má đi chùa còn thấy tượng của ông, một tay cầm cái mõ tre sơn đỏ đưa lên trời. Ai đến chùa cũng được nghe ông sư già giữ chùa kể lại sự tích ngôi chùa từ chuyện hai vợ chồng ông mõ già như má kể cho con nghe vậy. Vậy mà năm nay đi lễ má thấy người ta không để ông sư già ở đó nữa. Cả các tượng mõ cũng bị

đem đi đâu không biết, thay vào đó là tượng một người khác có cái mồm dài như mồm Tru Bát Giới vậy. Ông thầy chùa mới, đầu trọc chưa có một cái “ sọc ngòi hương” nào, con mắt láo liên thấy là phát ghét rồi. Ông này nói với má và mấy bà là tượng này mới thỉnh từ trong rừng về, linh thiêng hơn tượng ông Phật cũ. Má nghe nói, giận quá bỏ về luôn. Mình có lòng thì cúng ở nhà cũng được, không cần phải ra chùa nữa...

Sực nhớ tới nồi chè đang nấu, mẹ tôi vội bước xuống bếp. Tôi vội chạy theo bà. Nồi chè đang sôi ùng ục trên bếp lửa làm cho bụng tôi cũng muốn kêu theo. Trăng đã lên cao, ngoài sân bóng cây xoài đã thu dần về dưới gốc. Dưới sông, nước ròng đã để lộ cây cầu tám và bãi cát trắng lấp lánh. Dòng sông lặng lẽ trôi. Trên cao kia mây trắng cũng lặng lẽ trôi trên bầu trời. Không gian yên ả vô cùng. Những chiếc tàu sắt đen sì chở bọn quý dữ râu xồm chạy ngược dòng sông đi phun khói lửa; phun chết chóc đau thương vào hai bờ sông quê tôi bây giờ ở đâu. Tôi chỉ thấy mây trắng, trời xanh, trăng vàng và dòng nước lặng lẽ trôi. Nhưng cái chùa ông mõ vẫn còn đó, và chuyện về ông mà mẹ tôi kể thì như mới vừa xảy ra hôm qua thôi.

Chị Sáu dường như cũng có những ý nghĩ vẫn vợ như tôi. Tôi thấy chị ngồi im một hồi trước bậc cửa, ngửa mặt nhìn trời rồi mới đứng lên đi xuống bếp. Ba mẹ con tôi ngồi quanh bếp lửa cháy bập bùng. Nồi chè sắp chín bốc hơi thơm phức. Cạnh bếp là chỗ xôi đã chín sẵn còn để ủ bên bếp lửa cho nóng. Đang yên lặng, tôi sực nhớ ra và hỏi mẹ tôi:

- Rồi còn ông Hoàng Lễ và nghĩa quân đi về núi Bà Én nay có còn ai không má? Hôm trước má nói là mình còn có tới tám trăm quân kéo lên Lạc An mà.

- Làm gì còn có ai. Từ đó đến nay đã hơn bốn chục năm rồi... Ông Hoàng Lễ thì sau trận bão lụt và trận Gò Đồn ấy rất buồn rầu. Đồn Mỹ Lộc mất, ông mất luôn đứa con trai tài giỏi cùng một trăm dũng sĩ nghĩa quân. Quân thiếu lương như ngựa thiếu cỏ. Chờ đợi sự tiếp viện của quân triều đình không được, ông bèn liều mạng đem quân đi đánh một trận sau cùng quyết một mất một còn với bọn giặc ở Tân Uyên. Từ Lạc An, Chánh Hưng quân ta người cưỡi ngựa, kẻ chạy chân, tốp trên bộ, tốp dưới thuyền, cờ dong trống giục ào ào kéo về Tân Uyên như cơn nước lũ. Ông Hoàng Lễ cưỡi ngựa đi đầu. Vừa đến xóm Thiệu Tân thì có một người đàn bà chạy ra trước đầu ngựa của ông, cản đường quân lại. Bà ta ôm lấy đầu ngựa của ông mà nói: “Ngài hãy dừng quân lại, xin nghe tôi nói đôi lời phân giải. Thời trời nay chưa giúp ngài đâu. Ngày này không tốt, giờ này không lành, xuất quân đi không có lợi. Ngài mang quân về đợi thuận trời mới thắng được, chứ cứ tiến quân đi tôi e đi thì đại lộ mà về tiểu lộ đó...”. Ông Hoàng Lễ biết đây là bà Cô làm nghề bói toán lên đồng trong làng, nổi tiếng linh nghiệm. Nhưng lòng đã quyết, trở về e nhục chí toàn quân. Ông bèn ra lệnh cho quân lính lùi người đàn bà tránh ra một bên, lấy đường cho quân đi. Không cản

được đoàn quân, bà Cô đã treo cổ tự tử ngay một gốc cây bên đường. Ông Hoàng Lễ vẫn thản nhiên đốc quân tiến tới. Lần ấy quân đi không về, tướng Hoàng Lễ bị giặc giết, nghĩa quân cũng tan rã luôn. Số còn lại rút chạy vào rừng rồi cũng bị chết dần chết mòn hết. Dân đi rừng bây giờ thỉnh thoảng cũng còn gặp mồ mã hay dấu tích ruộng nương của họ giữa rừng. Cũng sau trận ấy dân làng mang xác bà Cô làng Thiện Tân về chôn cất. Về sau người ta lập miếu thờ bà gọi là miếu Bà Cô¹. Nghĩa quân không còn nhưng đồng bào mình vẫn tưởng như ở đâu đó trên nguồn sông,

trong rừng thẳm vẫn còn ẩn náu những người anh hùng của mình. Vào những đêm trăng thanh gió mát như đêm nay người ta chùng như vẫn nghe tiếng quân reo, ngựa hí, loa vang vọng từ Gò Đồn Mỹ Lộc. Người ta nói rằng đó là vong hồn của nghĩa quân trở về tập trận. Bởi vậy, vào những đêm rằm dân làng mình thường nấu xôi chè, đốt giấy tiền vàng bạc cúng nghĩa quân. Nhà mình cũng sắp cúng đây, má cúng cho cậu Mười luôn thể. Chè chín rồi, dọn mâm chén ra đi con, Sáu.

Cậu Mười Rậm, em ruột má tôi không phải là nghĩa quân. Má tôi thương cậu Mười lắm. Cậu tôi giỏi võ nhất làng. Mấy năm sắp lấy vợ thì cậu tôi bỏ nhà

¹ (1) Miếu Bà Cô: Theo một tư liệu khác cũng của tác giả ông kể lại nguồn gốc của ngôi miếu này với một sự tích như sau: *Tướng Hoàng Lễ vốn là một ông quan trong triều đình Huế, do lấy cô đào hát Huyền Cơ làm vợ, không tuân theo thủ theo luật của vua nên phải treo án tử quan chức không chịu bỏ vợ. Ông bị trục xuất ra khỏi kinh thành và lưu lạc vào Gia Định sinh sống. Giặc Pháp xâm lược nước ta con trai ông là Hoàng Hồ và ông được dân chúng tôn lên làm Tổng đốc đứng ra chống giặc. Giặc Pháp cho tay sai mang giấy phủ dụ của triều đình gọi ông về triều phục hồi tước cũ. Mừng rỡ, Hoàng Lễ chuẩn bị ra đi, trở ra Huế. Con ông là Hoàng Hồ và vợ là Huyền Cơ ra sức ngăn cản, nhưng kẻ tôi trung mù quáng vẫn kiên quyết lên đường. Vợ ông, bà Huyền Cơ thấy đã lên ngựa đi vội vã cầm chiếc áo bào của ông chạy theo, qua đến bên kia sông thì ngựa của ông đã xa rồi. Bà Huyền Cơ rút dao tự sát. Con bà là Hoàng Hồ mang xác mẹ về mai táng và lập miếu thờ bên kia sông.*

Tướng Hoàng Lễ cũng không về đến Huế. Đi dọc đường sức cùng lực kiệt, lại ân hận vì không nghe vợ khuyên can, ông viết một bức thư tuyệt mệnh giắt vào mình, tự trói mình lên lưng ngựa rồi chết. Con ngựa quen đường quay lại làng Tân Tịch nơi Hoàng Hồ cùng nghĩa binh đóng tại đồn Mỹ Lộc. Người ta lại an táng ông tướng, bên này sông và cùng lập ngôi miếu thờ đối diện với miếu thờ vợ ông bên kia sông.

Vào một đêm mưa bão, dòng sông nổi sóng đánh sục lở bờ bên kia: Ngôi miếu thờ bà Huyền Cơ theo sóng tấp vào bờ bên này. Con bão tan, dân làng dựng lại cái miếu thờ chung cả hai người ở bên này sông nay gọi là miếu Bà Cơ(hay Miếu Bà Cô). Cũng theo tác giả thì trong ngôi miếu này trước kia có cả chiếc áo bào của ông tướng mà bà mang theo.

đi, nghe nói đi theo Thiên Địa Hội gì đó. Sau đó người ta đồn là cậu tôi bị Tây bắt và giết chết ở Sài Gòn. Không biết cậu chết ngày nào nên mỗi dịp cúng nghĩa quân vào rằm tháng bảy là mẹ tôi vái cúng luôn cho cậu Mười Rậm. Mẹ tôi lấy chiếc áo dài đen mặc lúc đi chùa về còn treo trên vách mặc vào người. Bà đốt ba cây nhang, đứng trước mâm xôi chè bốc khói nghi ngút, trình trọng đưa ba cây nhang lên ngang mày, cúi xuống xá một cái dài rồi cắm nhang vào cái ly đựng đầy gạo đặt trong mâm cúng bên cạnh cây đèn hột vịt. Khói nhang, khói đèn dầu, hơi nóng từ mấy chén xôi chè bốc lên quyện vào nhau thành một mùi khó tả. Tôi thấy vừa tò mò, vừa sờ sợ. Mẹ tôi đứng trước mâm cúng, chấp hai tay trước ngực vái:

- Linh ai ông bà, vong hồn nghĩa quân, vong hồn cậu Mười nó...

- Có tôi đây!

Cha tôi từ ngoài sân bước vào, vừa nói vừa cười hì hì. Ông xách dây còn đứng ngay sau lưng mẹ tôi. Tôi thấy mẹ tôi cố nín cười, ráng giữ vẻ nghiêm trang khăn vái lằm thằm trong miệng. Vái xong, bà vén tà áo ngồi xuống đất, lạy ba lạy. Chờ bà vừa đứng lên là cha tôi tiếp tục nói đùa:

- Vô tửu bất thành lễ rồi, cúng nghĩa quân mà không có rượu thì...nghĩa quân nào chứ nghĩa quân này không chứng đâu.

Nói rồi ông lại cười ồ lên. Mẹ tôi đã muốn cười nhưng lại làm ra vẻ bực tức nói:

- Đến chết cái nết không chừa. Không chịu cúng thì để người ta cúng, cứ phá đám hoài...Thôi,ông bà hưởng rồi đó, các con ăn đi.

Em tôi chột thức giấc, khóc ré lên. Cha tôi bước tới kéo võng đưa nó để chị và mẹ tôi ngồi ăn xôi chè. Giữa khuya, giọng ồ ề của cha tôi hát em tôi ngủ như tiếng khóc trong một đám tang.

- Ủ.. ù.. ơ.. ơ Than ơi! Một trận khói tan ơ ờ...

Ngàn năm tiết rỡ.. ờ .ờ

Binh tướng nó hãy còn đóng sông Bến Nghé ơ, ơ...làm cho bốn phía mây ơ cờ đen.

Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu dựng một phòng con đỏ.. ơ .ờ...

Thác mà trả hết nước non rồi nơ.. ơ.. ờ...

danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen .. ơ.. ơ.

Thác mà ung đình miếu để thờ ờ ơ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ ờ ờ...

Sóng đánh giặc, thác cũng đánh giặc ơ ở linh hồn theo giúp chúng tôi ờ ờ ơ.

Sóng thù Tây, thác cũng thù Tây ơ ờ ơ ờ chề xôi đó, có linh xin hưởng ơ ờ...”

Cả nhà cười ồ lên, cả mẹ tôi cũng không làm nghiêm được nữa. Bài văn tế này ba tôi ru em tôi riết, cả nhà ai cũng thuộc, không ngờ hôm nay ông bịa ra mấy câu chót nghe như trong bài thiết vậy.

Tiếng con tắc kè kêu như từng nhát búa bổ vang trên ngọn dứa trước sân. Chị tôi lẩm bẩm đếm theo:

- Rủi, may, may, rủi, may...

Tôi leo lên phản nằm gần cha, rúc đầu vào nách ông như gà con rúc vào cánh mẹ. Đang thiu thiu ngủ tôi nghe cha tôi nói:

- May quá hôm nay anh em mình đi tập kê cả tôi nữa là đúng một trăm người, không dư, không hơn. Nếu cho thằng Nghệ này đi theo là đâu đúng số một trăm. Không biết đến bao giờ mới có được bữa tập ý nghĩa như vậy.

Trong lúc mơ màng tôi bỗng thoáng nghe vẳng tiếng mẹ kể nghĩa sĩ Gò Đồn lúc đó ở lại một trăm quân... Vậy mà hôm nay cha tôi cũng đi cúng nghĩa quân mà cúng theo cách của ông. Tôi nghe ông thở mấy hơi dài có vẻ thoải mái. Quay qua gác chân lên bụng ông, tôi ngủ lúc nào không biết.

CHƯƠNG HAI

Con đường đá đỏ như pha son chạy theo bờ một con sông quanh co xanh biếc. Thỉnh thoảng có một chiếc cầu gỗ ván bắc qua con suối hay con rạch chảy từ trong rừng, trong ruộng ra sông. Hai bờ sông suối cây rừng, tre gai nổi ngọn nhau che phủ dòng nước. Hai bên đường những nếp mái nhà ngói nhà tranh thấp thoáng sau vườn cây trái. Ngang qua những cái đình, chùa Ray qua “nhà việc” của làng thường gặp những cái cổng gạch cao rộng. Con đường mát rượi dưới bóng dừa, xoài, mít, bưởi. Đi trên đường khách bộ hành có thể thấy một trái xoài mới rụng trên đường đá đỏ như mặt trời mọc. Đôi khi lại bị một quả dừa bất ngờ rơi xuống ngay bên cạnh làm giật mình, nổi da gà. Vào mùa xuân khi bưởi ra hoa, ai đi qua đây cũng được hít đầy lồng ngực mùi hoa bưởi ngọt ngào, thơm ngát. Vườn nhà này nối tiếp vườn nhà kia. Nhà nào cũng có bưởi, không có một vườn thì cũng có được năm ba gốc. Thỉnh thoảng có những đám ruộng nằm sát đường. Đám thì trồng mía, đám thì trồng khoai trông như những cái cửa sổ nhìn từ sông Đồng Nai ra bên đường này, hoặc nhìn tận bìa rừng bên kia đường. Dòng sông rộng lớn luôn biến đổi. Nước lớn dù thì chảy lên, nước ròng chảy xuống. Hôm nào mưa to gió lớn hay vào mùa lũ, dòng sông chảy cuộn cuộn như lòng người sôi sục căm thù, lúc yên tĩnh nó lại phẳng như một mặt hồ trầm ngâm suy nghĩ. Rừng nhìn xa như một vành móng ngựa khổng lồ màu ngọc biếc bao quanh hết hướng Đông – Đông Bắc của xóm làng đồng ruộng vùng này. Màu xanh của rừng giáp với chân mây, mỗi ngày mặt trời như cánh rừng xa nhô lên chậm chậm, khó nhọc, đổ mặt tia tai. Xóm làng ruộng vườn dường như đứng dừng lại trước bìa rừng, con đường đá đỏ dài vài chục cây số cũng dừng lại đó như một tội nhân kiệt xuất và đuối lý trước một vành móng ngựa.

Quê hương Tân Uyên rừng thẳm sông dài của tôi đó. Dân làng tôi từ đời nào tới nay đã quen với tiếng khi ho cò gáy, tiếng cộp thét beo gặm và tiếng thác Trị An đổ ầm ầm trong những đêm thanh vắng. Cúi thì lên rừng kiếm, nước thì xuống sông gánh, nhưng gạo thì dân làng chỉ đủ ăn một năm có mấy tháng mà thôi. Rừng thiêng sông dữ luôn luôn đe dọa cuộc sống của người dân. Ngoi tay cày cuốc là cây rừng cỏ dại trở về. Ngủ quên một giấc có thể mất một mùa vì bị voi giày, bị heo rừng ủi sạch. Mỗi năm, một mùa nước lũ, hội họp lo sợ từng phút từng giờ. Dân làng tôi lam lũ làm ăn, chỉ còn biết chấp những bàn tay đã chai sạn vì cầm cán cuốc, chuỗi cày lại mà vái Trời, vái Phật.

Những đêm tối trời, nhìn về phía Nam cũng thấy được ánh đèn điện của thị xã Biên Hoà, của thành Sài Gòn ửng đỏ một góc trời. Đó là ánh sáng của văn minh, hay là ánh mặt trời điều hâu của các quan cai trị đang dòm ngó làng quê tôi một cách thù hằn đáng ghét. Vùng sáng ấy cùng với vệt thẳm đen của rừng thiêng xô tới như muốn bóp bẹp xóm làng đồng ruộng quê tôi đến nghẹt thở.

☆☆☆

Năm tôi lên mười, một lần nghe chị tôi hỏi mẹ:

- Sao mà mình nghèo khó, đói rách, nợ nần mãi vậy má?

Mẹ thường trả lời:

- Tại Trời, tại Phật, tại phận má nghèo.

Nhưng cũng có khi mẹ tôi nói một câu nghe khó hiểu:

- Tại tội Tây, tại mình mất nước!

Tây là ai, mất nước là như thế nào? Từ ngày biết chạy chơi tôi đã đi khắp hết các làng lân cận Tân Hoà, Mỹ Lộc thường lang thang trong lúc mẹ tôi gánh hàng đi bán cau khô, vải, mắm. Tôi còn được bà cho theo đi chợ Tân Uyên, chợ Cây Đào, chợ Lợi Hoà trong huyện để mua hàng. Nào tôi có thấy thằng Tây nào đâu? Ngay cả ma Tây, quỷ Tây người ta nói ở vùng này nhiều lắm vì ngày xưa giặc Pháp bị giết ở đây rất nhiều, mà tôi cũng không thấy lần nào. Mẹ tôi dặn hễ gặp ma Tây thì nắm chặt hai ngón tay cái lại rồi hô lớn “Nghĩa quân” là ma Tây sợ biến mất. Những khi trời tối, đi đâu chơi trong làng, tôi thường nhớ lại lời mẹ dặn, nắm chặt hai tay chờ xem gặp ma Tây là hô lên. Nhưng tôi chưa có dịp nào thực hiện được mong muốn hét lên cho ma Tây hoảng sợ. Ở làng tôi có bà Ba Thôn da trắng, tóc vàng, mũi cao, mắt đục như nước vũng trâu đầm. Người ta bảo bà giống Tây như hệt. Nhưng bà dễ thương lắm, thường đến nhà tôi ăn trầu nói chuyện với mẹ tôi cũng như người mình vậy. Mẹ tôi nói bà Ba Thôn cùng một tuổi Thìn với mẹ tôi, sanh vào năm nước lụt và nghĩa quân thất trận, mất đồ Mỹ Lộc đó. Mẹ của bà là một cô gái làng bị tội Tây bắt được hãm hại làm cho mang thai và sinh ra bà. Sinh con xong, người mẹ nhảy xuống sông tự tử. Bà con nuôi đứa trẻ lớn lên như nuôi lớn một mối hận thù. Bà Thôn lớn lên như mọi người khác trong làng cũng biết cấy gặt, rồi cũng có chồng, có chồng, có con và cũng nghiện trầu như mẹ tôi vậy.

Vậy nếu tội Tây có chắc là ở xa và chắc ít hơn người mình. Vậy sao mẹ tôi lại nói mình nghèo khổ là do tội Tây, tại mình bị mất nước. Điều ấy dần dần lớn lên tôi mới lý giải hết được.

☆☆☆

Một hôm tôi nghỉ học. Đang chơi lò cò với em tôi ngoài sân thì nghe chó sủa om từ xóm dưới lan dần lên xóm trên. Ở làng tôi mỗi lần chó sủa như vậy là ai cũng biết là có một trong hai người đi tới. Đó là anh Hai Tán và người thứ hai là hương quản Chinh.

Anh Hai Tán rất hay ăn thịt chó. Ở làng tôi nhà nào muốn bán chó, hay làm thịt chó đều nhờ tới anh. Anh bắt chó, cắt tiết, làm lông rất tài mà nấu đồ nhậu bằng thịt chó cũng ngon. Dần dà mấy con chó trong làng hễ thấy mặt, thậm chí nghe hơi anh, là chúng sủa rùm lên, inh ỏi từ làng trên đến xóm dưới. Chắc tụi chó ghét và sợ anh lắm. Còn tôi thì thương anh lắm vì anh là bạn thân của cha tôi. Anh thường gọi cha tôi là chú Hai. Đi cưa gỗ mượn thì cha tôi và anh cưa chung một cặp. Cha tôi làm thợ chính đứng trên anh là thợ phụ ngồi phía dưới. Mẹ tôi thì không thích anh lắm vì anh thường ăn thịt chó và bỏ việc đi nhậu làm cha tôi phải nghỉ theo.

Còn người thường bị chó sủa thứ hai là hương quản Chinh. Thằng cha này cái mặt khó thương lắm. Mặt thằng chả mập phì, lấp cả hai mắt. Bộ râu lúc nào cũng mượt rượt vuốt ngược lên hai gò má. Đi đâu nó cũng đội một cái nón lông, tay xách một cây ba – ton để dọa chó. Hôm nào hương quản Chinh xách theo cây súng hai nòng thì trẻ con chạy theo coi hàng đàn như coi múa lân. Mỗi lần vậy hương quản Chinh tỏ vẻ bức bối, thỉnh thoảng lại đưa súng ra dọa:

- Tao bắn chết hết!

Bọn trẻ con và chó bỏ chạy tán loạn.

Tôi ghét hương quản Chinh còn hơn cả ghét chó. Nó là chủ nợ của cha tôi. Mới hôm qua vợ nó sang đòi nợ. Mẹ tôi mới đẻ em nhỏ còn nằm trong ổ. Vậy mà con vợ hương quản ngồi chồm hổm trên bộ ván giữa nhà tôi, xỏ mồm vào buồng đòi nợ chèo chẹo, nghe nhức cả xương. Nó tèm trầu ăn, xỉa thuốc của mẹ tôi không biết bao nhiêu mà kể, lại còn nhổ cốt trầu ra bắn cả nhà. Ra về nó còn quơ chiếc chiếu mới nhất của nhà tôi xách đi. Chị Sáu tôi phải chạy theo khóc lóc năn nỉ mãi nó mới trả.

Tiếng chó sủa đồn lan đến xóm nhà tôi rồi. Con chó vàng nhà tôi cũng đã chạy ra đường. Tiếng con vàng sủa khác hẳn tiếng chó của xóm này. Nó vừa sủa vừa tru rất dài. Mẹ tôi thường bảo nhà nào có chó sủa như vậy làm ăn không khá. Cha tôi thương tài sản đêm của nó nên cứ muốn giữ nuôi nó mãi đến bây giờ. Con chó đã chạy về sau nhà, vừa thụt lùi vừa sủa. Nhất định là nhà tôi có khách.

- Nhà có ai không đánh cho cho tôi vô coi!

Đúng là cái giọng hống hách của hương quản Chinh rồi. Cha tôi biết không tránh kịp, đành lên tiếng trả lời:

- Mời chú Hương quản cứ việc vô, đồ chó này chỉ giỏi ăn hiếp mấy con thỏ để chứ không làm gì nổi ai đâu.

Trong lúc cha tôi lấy cái áo mặc vào, hương quản Chinh chống cây ba – ton đứng giữa nhà ngó quanh, ngó quát. Chị tôi lưỡng lự một hồi mới lấy chiếc chiếu trải lên bộ ván mời nó ngồi. Hôm qua trời mưa, đầu cây ba – ton của nó còn lấm sinh, vậy mà nó để cây ba – ton lên chiếc chiếu mới của nhà tôi.

Con chó nhà tôi đã thôi không sủa nữa. Không khí trong nhà tôi bỗng yên lặng đến đáng sợ. Cha tôi chờ hương quản Chinh lên tiếng đòi nợ và nghĩ cách trả lời cho trôi. Hương quản Chinh dường như muốn giữ vẻ quan trọng, nên chưa thềm nói. Chắc nó muốn cha tôi phải thưa gửi nó trước.

- Bớ đồ...qua nước dùm...Bớ đồ. Hú ú...

Tiếng gọi đồ bên kia sông đã phá tan sự im lặng nặng nề trong nhà. Cha tôi bảo chị Sáu:

- Con Yên chèo đồ qua rước người ta con. Thằng Nghệ dắt em xuống nhà nấu nước. Nước sôi thì kê tíu xuống pha trà cho chú...ờ...cho thấy hương quản uống.

Thường ngày thế nào cha tôi cũng giành chèo đồ để chị tôi nấu nước. Nhưng hôm nay, cảm thấy có chuyện quan trọng, tôi cũng muốn ở nhà nghe xem hương quản Chinh nói chuyện gì. Chị Sáu tôi cũng chần chừ mãi, đợi cho người bên kia sông gọi giục mấy lần nữa mới xách nón xuống bến. Gần tới nơi, chị còn trở lên ghé tai tôi nói nhỏ:

- Ở nhà nếu em thấy nó lấy chiếc chiếu của mình đi thì phải khóc lên giục lại cho được cho được nghe. Tối nay mưa lạnh lắm chỉ có một chiếc chiếu để đắp đó. Đợi chị về mới được đi chơi đó đã...

Chị đi rồi tôi dán mũi vào vách nhìn lên nhà coi chừng chiếc chiếu, quên cả chụm lửa nước.

Hương quản Chinh ngồi xếp bằng trên bộ ván, vuốt râu hồi lâu rồi mới bắt đầu nói:

- Anh tưởng hôm nay tôi đến đòi nợ anh nữa hả?
Cha tôi chưa kịp trả lời, nó đã nói tiếp:

- Chuyện đòi nợ là chuyện nhà, để đàn bà nó lo. Tôi còn phải lo việc dân, việc quan, việc làng, việc nước chứ.

Hương quản nói tới đó híp mắt cười, tự tán thưởng cho câu giáo đầu có vẻ văn chương của nó. Được dịp tốt, cha tôi không bỏ qua việc hẹn nợ, ông nói:

- Việc nợ nần thì hôm qua vợ tôi đã nói hết với thím hương quản rồi. Thật là chưa có một đồng cắc nào trả nợ lúc này được. Hôm nay nếu chú có đòi nữa thì cũng mất công vô ích mà thôi. Còn có chuyện gì quan trọng mà chú tới nhà bữa nay thì chú cứ nói:

- À, chuyện này không quan trọng lắm, nhưng nếu anh chịu làm thì có lợi cho anh, cho tôi, cho cả làng mình nữa. Thôi, vòng vo cũng vậy. Tôi thay mặt Ban hương chức tới đây chỉ bảo cho anh nghe để anh ra lãnh chức hương tuần ở làng mình đó. Ban đầu thì làm nhỏ nhỏ vậy, sau lần lần lên. Nhứt là có tôi làm hương quản, anh giúp việc cho tôi thì anh lên thay tôi...mấy hồi. Ở đời này “nặng bèo nào che theo bèo nấy”, phải có chút chức phận trong làng trong xóm, thì làm ăn mới được chứ cứ như anh thì nghèo khó suốt đời...

Cha tôi dường như hết muốn nghe, ngắt lời nó:

- Tưởng việc gì chứ việc đó thì tôi đã nói với chú nhiều lần, mà chú cũng biết ý tôi từ lâu rồi. Tôi chết tôi cũng không thể làm lính cho Tây đâu.

Hương quản Chỉnh đổi giọng dọa nạt:

- Trước đây anh làm thầy dạy võ, Nhà nước cấm anh vẫn lén lút dạy đến nỗi bị bắt giam mấy lần. Nếu không nhờ tôi can thiệp thì anh ở tù rục xương rồi. Bây giờ anh không dạy võ nữa, nhưng cái nạn nghề võ do anh gây ra vẫn còn. Bọn thanh niên ngang đầu cứng cổ, du côn, ăn cướp, chống làng, chống lính ở đây đều là học trò cũ của anh. Anh không chịu làm làng để trị nó nghĩa là anh dung dưỡng, xúi giục nó. Rồi thì anh sẽ cùng với bọn nó vào tù, nghe chưa?..

Biết cha tôi không thể chịu đựng nổi giọng xác xược và những lời đe dọa của thằng hương quản, mẹ tôi từ trong buồng lên tiếng gọi:

- Tía nó ơi, vô đây tôi mượn cái này...

Cha tôi hiểu ý, không vào buồng mà trả lời một cách bình tĩnh:

- Chú hương quản nghĩ lại mà coi. Tôi thôi dạy võ từ lâu rồi. Mà lúc dạy, cũng dạy côn, đao, quyền, kiếm gì đó thôi chứ có dạy ai ngang đầu cứng cổ, chống lính, chống làng, du côn ăn cướp gì đâu. Cái đó bà con làng xóm đều biết rõ, ai muốn vu oan cho tôi cũng không được. Nhiều làng khác không có ai dạy võ cũng có du côn, ăn cướp, chống lính chống làng vậy. Có nhiều thầy nghề võ đã ra làm lính, làm làng cho Tây mà cũng có trị được du côn, ăn cướp đâu. Tôi nói hết lời với chú rồi: Tôi thề với cha mẹ ông bà tôi ngày trước rằng đời tôi sẽ không khi nào làm lính làm làng cho Tây được. Tôi đã già rồi muốn giữ trọn lời thề đó cho tới chết.

Mẹ tôi từ trong buồng nói với ra:

- Làng mình thiếu gì người làm hương tuần được mà Ban hương chức phải cần đến chồng tôi. Nhà nghèo thế này làm không đủ ăn còn thời giờ đâu nữa mà...

Hương quản Chinh ngắt lời, vẻ bực tức:

- Thôi, tôi biết rồi, đi dạy võ lén như hồi trước thì có thời giờ, còn đi làm việc làng, việc nước thì bận lo nghèo, lo đói đủ thứ.

Hương quản Chinh hậm hực, nhưng bỗng lại dịu giọng xuống:

- Tôi thương anh chị, thấy việc phải quấy thì nói thế thôi chứ anh chị có nghe hay không thì tùy. Sau này có chuyện gì thì đừng có trách tôi. Tôi tưởng ăn theo thuở, ở theo thời thì là phải hơn chứ. Ông bà mình ngày trước còn chống nó làm gì, không làm cho nó thì thiệt thân mình mà thôi.

Cha tôi nghe ghét đến không muốn nhìn mặt nó nữa. Có trấn tĩnh, ông nói sang chuyện khác.

- Ở quên mất, Nghệ ơi, nước sôi chưa con?

- Chưa...

Tôi giật mình quay lại thì bếp lửa đã tắt tự hồi nào và em tôi cũng đã lén đi đâu mất. Vừa lúc đó chị Sáu tôi từ dưới bên sông bỗng nó lên và mắng tôi:

- Mà coi em như vậy đó hả? Để nó xuống bên chơi một mình. Tao về không kịp thì nó té xuống sông chết chìm rồi.

Tôi còn cố cãi lại:

- Chị biểu em coi chừng chiếc chiếu chớ có biểu coi chừng em đâu?

Chị Sáu tôi lật đật bùm miệng tôi lại:

- Thôi, mày đi đâu thì đi cho rồi, đồ quý, chỉ có hai chuyện đun lửa với coi em mà không được chuyện nào. Ờ, mà mày vào xem má có mượn chuyện gì không đã.

Tôi đi ngang qua nhà trên để vào buồng mẹ tôi. Trông thấy tôi, Chinh liền hỏi cha tôi:

- Thằng này mấy tuổi rồi?

- Sắp mười một tuổi rồi đó, mà trốn học như toi, muốn đi chăn trâu lắm.

Nghe cha tôi trả lời như vậy, tôi xấu hổ chạy nhanh vào buồng mẹ. Nhưng ngồi trong buồng tôi lại nghe thằng hương quản nói:

- Hay là anh chị cho nó về chăn trâu cho tôi?

Tôi nghe mà tưởng tượng hương quản Chinh thương tôi, hiểu hết mong muốn từ lâu của tôi và giúp tôi đạt được niềm ao ước ấy. Tôi mà khỏi phải đi học, được đi chăn trâu như tụi thằng Liễn, thằng Cờ ở Mỹ Lộc thì còn sung sướng gì bằng. Ngồi trên lưng trâu thổi sáo, thả cho trâu ăn cỏ còn mình đi bắt ỏ chim, bắt cá, bắt cua, hái trái rừng, tha hồ mà ăn. Rồi cùng nhau chơi đánh trống (đánh khăng). Cha tôi mà chịu ừ một tiếng thì sung sướng biết chừng nào. Sao chờ hoài không nghe ông trả lời? Hay tại chị tôi đang bụng nước chè Huế lên. Thấy cha tôi vẫn làm thinh, uống nước xong, hương quản Chinh giải thích:

- Đó cũng là một cách để anh chị trả nợ cho tôi đó. Nhà bớt một miệng ăn, mỗi tháng khỏi phải trả tiền lời cho tôi cũng được. Chừng nào nó thôi ở thì trả vốn thôi. Nhà anh đã có thằng Thọ anh nó đi học là đủ rồi...Mình nghèo thì lo phận nghèo, tranh đua với người ta sao được. Anh tính sao?

Tôi thì mê chăn trâu mà ngán học lắm nên nghe nó nói có lý quá, tưởng thế nào cha tôi cũng chịu mà thôi. Nhưng sao vẫn chưa nghe cha tôi trả lời. Sao mẹ lại buồn như vậy. Bà đưa tay nắm chặt tay tôi, rơm rớm nước mắt. Đứa em mới sanh của tôi không lo ngại gì cho số phận của anh nó nên vẫn ngủ ngon lành. Nó mặc chiếc áo cũ của tôi hồi mẹ mới sanh tôi. Cái áo này đứa em kế tôi cũng đã mặc qua. Mẹ tôi nói nhờ cái áo ấy mà tôi dễ nuôi chóng lớn nên giữ lại tới giờ cho mấy đứa em tôi. Ngoài nhà nghe tiếng cha tôi trả lời thằng Chinh:

- Lúc vợ chồng tôi còn sống dưới ghe, trận bão ở vàm sông Bao Ngược đã cuốn hết gia tài sản và hai đứa con đầu của tôi. Lên bờ ở, vì nghèo quá mẹ nó không nghe lời tôi cho con Dương chị thằng Nghệ, đi ở đợ cho di ruột của nó. Mới tám tuổi mà họ bắt nó làm không thua gì người lớn. Một hôm đi chăn trâu về mệt lã rồi mà họ còn bắt nó trèo hái cau, con tôi xây xẩm mặt mày rơi từ ngọn cau xuống mà chết. Từ đó tụi tôi thề rằng nghèo quá thì cạp đất mà ăn với con chứ không cho con đi ở đợ nữa. Càng nghèo tụi tôi càng thương con, càng muốn cho nó được ăn học để sau này đỡ khổ hơn cha mẹ. Thằng Thọ thì được học rồi, ráng lo cho nó vài năm nữa thì nó làm thầy giáo. Chỉ tiếc con Yên, em nó phải chịu dốt. Từ thằng Nghệ trở đi tôi sẽ cho đi học hết...

Cha tôi đang nói bằng một giọng buồn buồn như kể lẽ sự đời bỗng nhiên ông xúc động và nói nóng một cách bất ngờ:

- Chú đừng thấy tôi nghèo mà khinh rẻ tôi nghe không. Nợ của chú tôi sẽ trả hết bằng cách khác chứ còn dở giọng khuyên tôi theo Tây hay bán vợ đợ con nữa thì ...coi chừng..

Mẹ tôi hốt hoảng tuột xuống giường, bước ra. Nhưng cha tôi vẫn ngồi yên trên ván vì hương quần Chỉnh đã xách ba – ton vội vã chạy ra khỏi nhà rồi. Từ ngoài ngõ nó nói với lại:

- Ờ, để rồi coi ai phải coi chừng ai cho biết!

Con chó vàng nhà tôi chạy theo sủa, đưa nó ra tận con đường đá đỏ. Bầy chó xóm tôi đưa nó lên xóm trên, và có bầy chó khác đưa nó về tận nhà.

☆☆☆

Tôi nhìn mãi trên bàn thờ đình làng tôi mà không thấy ông thần nào cả. Vậy mà người ta bảo hôm nay cúng đình thì có thần về chứng kiến. Chỉ có một cái mào cũ xì giống như mào của gánh hát bộ để giữa bàn thờ, hai bên là hai hàng bài vị sơn son thiếp vàng, có khắc những chữ nho ngoằn nghèo khó hiểu. Hai bên bàn thờ chính có hai cái giá để đựng vũ khí của thần: nào côn, siêu, đao, mác, nào gươm, chùy, búa v.v...nhưng toàn bộ là đồ giả, bằng gỗ sơn lại. Dường như không có một cái nào có thể chịu nổi một nhát côn của cha tôi mà không gãy ra làm ba làm bốn. Vậy mà thứ vũ khí đó được thờ ở giữa đình còn cây côn hết thời của cha tôi thì phải dặt trên mái tranh nhà từ lâu.

Hai hàng “ học trò lễ” đứng hầu thần hai bên bàn thờ. Họ mặc áo thụng xanh, mào đen, hia đen, đứng yên như tượng đá. Khói đèn, khói nhang làm chảy nước mắt cũng không dám đuổi. Xôi, thịt của dân làng góp cúng thần bày chạt các bàn thờ, bày cả dưới đá. Mâm xôi bằng gỗ mít của mẹ tôi cũng có ở đó nữa. Cả nồi xôi nhà tôi chỉ đơm vừa đầy mâm đó. Mẹ tôi bảo để đem cúng thần, tôi và

em tôi chỉ được gặm mấy miếng xôi cháy vết nôi. Người ta mặc áo dài, đội khăn đen đến vái lạy, vái cho thần ăn xôi thịt. Nhưng tôi cũng không thấy thần ăn. Chị Sáu tôi nói rằng thần không ăn thì mấy ông làng cũng ăn hết chỉ trả mâm không lại cho mình thôi. Nếu nhà có người làm làng thì tùy chức to chức nhỏ mà khi cúng xong người ta kiến lại nhiều xôi hay ít xôi. Có người được kiến cả mâm đầy lại thêm một khúc thịt to tướng nữa. Nhưng nhà tôi không có ai làm làng cả, vậy thì mâm xôi nhà tôi chắc là tiêu luôn rồi.

Chị tôi nói không sai. Dưới nhà khách, bọn làng xóm nhau ăn thật không thiếu mặt một ông hương nào. Tôi thấy nào Cả Hội, hương chủ Báo, chủ trâu của thằng Cờ, hương thân Quyền có các lò đường ở xóm chợ, trại cửa nơi ba tôi và anh Hai Tấn thường đi cửa mướn, hương quản Chinh... Còn nhiều người mặc áo dài khăn đóng nữa mà tôi không quen biết, hoặc biết mặt mà không biết làm hương gì. Đó là những người tôi thường thấy trong xã, còn nhiều người trên tổng, trên huyện hay ở tỉnh, ở Sài Gòn được mời về dự tiệc nữa. Xã tôi có nhiều người làm lớn lắm. Như ông Phủ Ngôn, ông Đốc Các là từ học trò nghèo xã tôi học lên rồi làm quan. Hôm qua họ mướn xe hơi về làng, đi tới đâu bóp kèn inh ỏi tới đó. Cũng có người đi lính mã – tà cho Tây làm đến chức Bếp, chức Cai như Bếp Nhạc, Cai Huýnh mặc quần áo kaki vàng đang ngồi đó. Ba Ưu đi lính Pháp, sau chiến tranh Đức – Pháp trở về được làm thầy ký ở Sở mật thám Sài Gòn và em nó là Bảy Tăng làm mật thám cũng về đó. Hai anh em đều mang kính đen, mặc quần áo theo lối “ xá xẩu” của người Hoa kiều bằng lãnh láng như da rắn lục.

Đó là những người “ cha mẹ đâu” của xã tôi. Cái nhà khách của đình làng tôi thường ngày thấy rộng mênh mang mà hôm nay chật ních những bọn người “ nắng chiều nào biết che chiều đó” nay khăn đóng, áo dài đen, chen lẫn với “ xá xẩu” Hoa kiều, kaki vàng. Chũ Nho pha lẫn với tiếng Tây bồi, tiếng Việt. Chúng nó đang dựa thế Tây để ăn xôi, ăn thịt, uống bia rượu của đồng bào góp cúng thần nghĩa quân. Rượu vào lời ra kẻ thì khoe chức phận, khoe tiền của, lên mặt ta đây. Người thì khúm núm, co ro, vuốt ve, nịnh hót. Rồi chúng còn xoi mói, ganh tỵ, tranh giành địa vị với nhau.

Trên sông Đồng Nai thỉnh thoảng có một con trâu chết sinh trôi lênh bênh trên mặt nước. Bảy quạ, kêu kên từ rừng xanh bay về xóm nhau rĩa thịt, cũng say sưa và ồn ào như đám lễ cúng đình này vậy.

Nhà bếp nằm cách nhà khách chừng một trăm thước. Cũng lợp ngói nhưng lâu ngày đã dột nát và đóng khói đen sì, khói bếp bay mù mịt. Tiếng dao thốt, tiếng đĩa bát chạm vào nhau hoà với tiếng bửa củi, tiếng nước sôi ùng ục trên lò, tiếng gà, heo bị cắt tiết, tiếng cười nói thành một bản nhạc rất vui tai. Những người nào “được lãnh” bồn phận nấu dọn cho “ bề trên” ăn thì ở trong bếp. Anh Hai Tấn nổi tiếng về tài làm đồ nhậu trong xã nên cúng đình kỳ nào cũng có mặt ở đó. Anh chỉ huy cả bếp như một tay thợ cả. Vào đây cha tôi cũng

phải nghe lệnh của anh. Bữa củi, xách nước, chụm lửa, cạo heo, làm gà, xắt thịt, chiên xào nấu nướng, don mâm đến rửa chén, rửa nồi đều có con mắt anh dòm ngó vào, có tay anh chỉ vẽ thêm, có tiếng anh động viên hay đùa cợt cho vui

- Bung cái mâm này để trên...đầu...ông cả.

Giọng anh nghiêm như lệnh của ông tướng. Vậy là người ta cười vang như pháo nổ trong nhà bếp.

- Bắt nó, bắt nó, bắt cột đầu nó lại.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, rồi nhìn về phía nhà khách. Ở trong nhà khách mọi người đều bỏ đĩa và nhìn về phía nhà thờ. Từng đám con nít ngoài sân chạy dồn về phía nhà thờ. Tôi cũng cầm đầu chạy theo. Trước bàn thờ thần có một người đang múa võ. Tôi mừng rỡ tưởng là cha tôi. Nhưng tới gần hoá ra anh Tám Phát. Anh Tám Phát làm nghề chèo thuyền múon ở xóm Chợ. Mỗi năm thuyền đi buôn bán đường, mắm, kẹo suốt ba bốn tháng mùa lúa ở Sóc Trăng, Rạch Giá, Cần Thơ. Trong lúc chủ thuyền lo buôn bán thì anh dạy võ kiếm ăn. Anh vừa là một tay chèo khoẻ, vừa là người bảo vệ cho thuyền khỏi bị cướp dọc đường. Nhưng khi về đến nhà thì anh không có nghề làm ăn nào khác, chỉ ăn chơi, cờ bạc, rượu chè cho đến chuyén sau. Anh thương cha tôi lắm vì anh là học trò cũ của cha tôi. Ông bảo gì anh cũng nghe, nhất là bỏ được cái tật cờ bạc. Nhưng mỗi khi anh có uống vào một chút rượu thì anh hay chửi làng, chửi lính, chửi Tây công khai và còn dọa đánh người này người khác. Có lần cha tôi bị bắt về tội dạy võ lén, anh đã đến dọa hương quản Chinh:

- Thầy tôi mà có bề gì thì giữa ông và tôi phải có một người đi xứ khác mà ở. Không phải một mình tôi, mà mấy anh em tôi đã thề như vậy. Ông nịnh Tây vừa vừa để mà còn sống với vợ con chứ...

Nhờ vậy mà lần đó cha tôi được tha về yên ổn.

Không biết anh Tám Phát ra đây hồi nào mà bây giờ múa võ giữa đình như vậy. Cây đao bằng gỗ sơn cán đỏ lưỡi trắng của “thần” như đang quay tít trong tay anh như chong chóng, sáng loáng như đao thật. Hương quản Chinh ra lệnh bắt trói mấy lần mà anh vẫn múa say sưa như không nghe thấy gì ngoài lưỡi đao quay. Người anh cao to như cây cột đình mà lúc múa võ nhanh nhẹn như sóc. Mấy anh học trò lễ hoảng sợ bỏ chạy toán loạn. Tụi trẻ con nhìn không chớp mắt còn reo lớn: “Hay, hay quá”. Trong nhà khách, đám “kên lên người” làm việc cho làng Tây đang ăn nhậu, bị phá đám, bực tức la ó. Cai tổng hét hương quản Chinh:

-Thằng phá miếu, phá chùa nào đó? Sao mà không bắt nó lại?

Hương quản Chinh thì biết rõ là Tám Phát rồi. Nó phải cầu cứu tới tụi lính mã – tà và mật thám có mặt:

- Nhờ các thầy giúp sức, tôi không làm nổi nó đâu.

Không ngờ mấy thằng mật thám của nó cũng từ chối:

- Tụi này đi dự cúng đình chớ có phận sự gì đâu mà mang súng theo. Chỗ này là phận sự của làng.

Hương quản Chinh đâm ra lúng túng, nó chạy mấy bước về phía nhà thờ la hoảng:

- Mấy người, mấy người sao đứng đó, áp lại, xông vào bắt nó.

Miệng la nhưng chân hương quản lại chạy thụt lùi ra phía sau nhà khách. Không ai nhúc nhích cả. Ban hương chức kéo nhau chạy lên nhà thờ cũng chỉ mất la, mảy lét đứng ngó. Đường đao của Tám Phát cứ mỗi lúc càng nhanh, càng mạnh lên. Nhát cuối cùng anh chém vào cây cột đình nghe một cái rốp. Nhà thờ rung rinh. Cây đao gỗ gãy làm hai, bị anh vứt luôn xuống đất. Hai tay chống nạnh, chiếc áo bà ba đen đứt mất cái nút để lộ ra bộ ngực nở nang vun tròn chắc như mâm xôi. Đưa mắt nhìn qua đám hương chức, quan quyền, anh bình tĩnh nói:

- Tôi múa đao cho thần xem, có tội gì mà la bắt tôi. Tay không đây, đũa nào muốn bắt thì vô. Tao nói trước đũa nào đụng tới tao thì sẽ gãy làm hai như cây đao này. Giờ tao đứng đây chờ thằng nào khi nãy đòi bắt cột đầu tao tới lạy xin lỗi tao thì tao mới ra khỏi chỗ này:

Cả đình xôn xao bối rối. Trong đám hương chức có mấy người len lén rút về. Hương quản Chinh mặt tái mét đứng núp sau một cây cột, bộ râu xuôi xuống như đuôi chó cụp lại khi bị cọp rượt.

Cha tôi từ dưới nhà bếp mới lên, chen giữa đám đông bước vào. Đầu quấn chiếc khăn lông cũ, mặt còn dính đầy lọ. Ông gỡ cái khăn xuống, lau qua mặt, rồi vắt khăn lên vai, ông chấp tay lại nói với đám hương chức:

- Thừa Ban hương chức, thừa các quan lớn, quan nhỏ. Em tôi nó thèm tập võ như người ta nghiện rượu vậy. Hôm nay nhân dịp cúng đình, nó múa đao cho thần và quý ngài xem. Thiết tưởng chuyện đó đáng thưởng rượu chứ đâu có lỗi gì. Nhưng vì nóng giận nên nó lỡ dại có nói vài lời xúc phạm đến bề trên. Nếu ban hương chức không cố chấp mà tha thứ thì tôi xin dẫn em tôi về.

Nói rồi không đợi trả lời, cha tôi quay lại nói với anh Tám Phát:

- Thôi xuống nhà bếp chơi với anh một chút rồi về, em Tám.

Tám Phát mỉm cười, bước theo cha tôi đi ngang qua nhà khách rồi xuống nhà bếp. Đám hương chức - bày kên kên, lúc này ăn uống hả hê bao nhiêu, bây giờ nhìn theo mấy người dân “bất trị, cứng đầu” một cách hần học, bực tức bấy nhiêu.

Xem cúng đình mãi đến khuya tôi mới về tới nhà. Chỉ có mình mẹ tôi còn thức. Vào nhà tôi vội khoe với mẹ.

- Con đem về được nửa mâm xôi và một khúc thịt lớn lắm.

Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi:

- Ở đâu? Mà làm sao mà có?

- Con để ngoài bụi chuối. Con sợ tí còn thức, tí rầy nên vô trước.

- Để đó coi chừng chó ăn mất, con ra lấy cất đi rồi sẽ hay.

Đem cất thịt và xôi xong tôi đến nằm bên mẹ. Tôi nói khe khẽ sợ cha tôi nghe nhưng cũng cố kìm mình kể chậm chậm cho có vẻ quan trọng:

- Má biết không? Ở trên đình của làng mình có một ông thần rất tốt và dễ thương lắm. Ông là ông Thần Nông. Ông không ngồi trong nhà thờ chung với các ông thần khác, mà chỉ thích ở ngoài đồng không sợ gió mưa gì hết vì vậy người ta phải dọn nhang đèn xôi thịt trên một tảng đá ngoài sân để cúng ông. Ông lại thương trẻ con nhà nghèo nên khi cúng xong thì mấy ông làng, ông xã không được ăn xôi thịt của ông, phải để dành cho trẻ con thôi. Nhưng không phải đứa nào cũng được ông cho ăn đâu. Ông chỉ cho đứa nào giỏi võ và gan dạ nhất thôi. Nghĩa là ông biểu mạnh đứa nào đứa ấy giựt. Đứa nào giỏi, giựt được nhiều thì ăn nhiều, đứa nào giựt được ít thì ăn ít, không được thì nhịn, kỳ sau ông lại cho nữa. Sau ba hồi mổ khua thì ông cho phép giựt cả mâm xôi và khúc thịt trên bàn thờ ông. Người ta nói là mấy năm trước đây năm nào cũng có đứa bị lỗ đầu, chảy máu mũi hay trặc chân, trặc tay vì đánh lộn để giựt mâm xôi Thần Nông. Không có đứa nào lấy được nguyên mâm cả. Vì mạnh đứa nào đứa ấy giựt nên mỗi đứa chỉ được một nắm xôi, còn bao nhiêu rớt hết xuống đất. Kỳ này có tụi thằng Liễn, thằng Cờ bày mưu con bung nguyên được nguyên mâm cúng hay lắm.

- Tụi bây làm sao mà lấy được? Mẹ tôi hỏi.

- Tụi nó biểu phải hùn nhau lại. Bốn năm đũa đồng mưu mới lấy được nguyên mâm xôi và khúc thịt rồi đem về chia. Con rủ thêm thằng Đứng con chú Sú bán rượu nữa là đủ bốn đũa. Ba đũa kia đánh giải vây và chặn tụi nó cho con bung nguyên mâm xôi và khúc thịt chạy. Thấy tụi con đông, tụi nó sợ và chịu thua hết. Lẽ ra con chỉ được phần tư mâm xôi và phần tư khúc thịt thôi, nhưng thằng Đứng sợ mang về bị đòn, và vì ở nhà nó cũng có rồi nên nó cho con phần của nó.

Vậy là ba khởi cần làm làng cho hương quản mình cũng có xôi ăn phải không má? Ông Thần Nông biểu rằng xôi của ông phải chiên lại ăn mới ngon, phải vậy không má?

- Ờ phải rồi, vì xôi để ngoài trời sương gió lại dơ vì giành giựt nhau nữa nên không chiên lại thì ăn đau bụng chết. Thôi con ngủ đi, mai má chiên lại cho má ăn. Nhưng mà sau này thì con đừng giựt xôi Thần Nông nữa. Mình làm mình ăn mới ngon con à.

☆☆☆

Một hôm tôi đi học về tới nhà thì thấy chị Sáu tôi khóc hu hu như nhà có người chết. Mẹ tôi gánh hàng đi bán chưa về. Hai đũa em tôi cũng nín lấy áo chị tôi mà khóc. Hỏi riết chị tôi mới nín được mà nói:

- Tía bị bắt rồi, người ta giải tía về quận hồi chiều. Hai tay tía bị còng lại...

Tôi ngờ ngạc không hiểu vì sao, muốn hỏi chị tôi nữa nhưng chị tôi đã lại khóc làm cho tôi phát bực mình. Cho tụi tôi ăn cơm xong, đợi hai đũa em ngủ hết, chị tôi mới giảng giải cho tôi biết vì sao người ta bắt cha tôi.

Nhà tôi dột nát không còn một chỗ lành. Trong nhà nhìn lên nóc thấy nhiều mo cau hơn là tranh. Trời mưa phải chui xuống ván, xuống bàn thờ mà trú. Cha tôi tính lượ lại mấy lần mà không có tiền mua tranh. Mùa này tính lên rừng cắt tranh về lượ thì chủ đất là hương hào Hăng lại đuổi. Nó bảo phải dỡ nhà đi để nó cất trại đóng hòm. Nó cũng là chủ trại cưa, cha tôi cũng từng cưa mướn cho nó từ trước tới giờ. Cha tôi than nghèo chưa thể dỡ nhà đi chỗ khác được vì kèo đã mục, cột đã đứt chân hết rồi. Để vậy lượ lại ở đỡ được một hai mùa, chớ dỡ ra thì chỉ còn có chụm lửa. Nhưng hương hào Hăng không chịu ở thêm một mùa nào nữa hết, bắt cha tôi phải dỡ nhà đi ngay. Hấn còn dọa nếu dỡ chậm người ta sẽ chát hòm đầy nhà. Không có tiền mua kèo cột, cha tôi phải trốn lên tận trong trên rừng Sông Bé, Hàng Dài để đốn gỗ, tre, cắt tranh, bứt mây

về làm nhà mới. Vật lộn với rừng rú, sông nước cả nửa tháng trời cha tôi mới đưa được một mớ gỗ, tre và tranh về tới bên nhà. Ông cẩn thận thả bè về ban đêm rồi lặn lội giấu gỗ dưới sông, giấu tranh trên bờ để trốn thuế. Tính chờ cho tranh cũ bớt đi rồi sẽ dùng. Hương hào Hăng biết được, đi báo cho đồn kiểm lâm ở Tân Uyên để lập công. Đồn cho lính kiểm lâm lên lục lọi mò tìm được một mớ tranh và gỗ, bán rẻ lại cho Năm Hăng (hương hào Hăng thứ Năm mà) rồi bắt cha tôi giải về Tân Uyên.

Kể cho tôi nghe tỏ tường rồi chị tôi lại khóc, kêu trời kêu đất, oán trách xóm giềng “ăn ở thất nhân thất đức”. Chắc là chị nói ai đó đã đi mét với Năm Hăng chuyện cha tôi giấu gỗ, giấu tranh.

Đến khuya mẹ tôi mới về tới nhà. Thấy mẹ tôi, chị Sáu lại oà lên khóc, làm tôi đã ngủ giật mình thức dậy. Chị tôi tính kể lễ nhiều lắm, nhưng mẹ tôi nói:

- Thôi, đi ngủ đi con, má biết hết rồi, má đã lo rồi, ít bữa nữa tía mày về thôi.

Rồi tôi nghe mẹ tôi nói nhỏ nhỏ với chị Sáu (tôi nằm nhắm mắt giả đồ ngủ nhưng nghe không sót một tiếng):

- Anh Hai Tấn gặp má ngoài đường rồi. Hai thím cháu nói chuyện lâu lắm. Hai Tấn nói còn có mười ngày nữa là tới lễ hội đua ghe bơi. Lễ năm nay làng mình phải tham gia lễ đua ghe dưới tỉnh. Anh em sẽ đòi phải có tía mày cầm lái họ mới chịu bơi. Họ sẽ đòi thả tía mày về. Má tin thế nào cũng được vì cả tổng Chánh Mỹ Hạ này chỉ có ghe xã mình là đua giỏi nhất.

Tôi nghe tới đó khoái quá, quên là đang giả đồ ngủ, la to:

- Mê quá, mê quá, sắp được coi đua bơi rồi...

Mẹ tôi rầy:

- Thằng quĩ, chưa chịu ngủ hả? Mày không được nói với ai hết nghe không! Má đánh chết đa.

Mẹ tôi đoán thiệt tài. Hai hôm sau thì cha tôi được tha về, ông còn đòi hương chức xử vụ đuổi nhà trước ông mới chịu nhận đi lái thuyền đua. Bọn hương chức phải buộc hương hào Hăng đình việc đuổi nhà tôi đến tháng giêng năm sau. Thế là cũng đủ thời giờ cho cha tôi đi kiếm lại đủ số gỗ, tranh bù vào số bị lấy mất và đi mướn đất khác cất nhà mới.

Hôm nay là lần tập cuối cùng cho đồng bào trong xã xem trước khi đi xuống tỉnh. Thuyền đua của xã tôi đẹp lắm. Mẹ tôi nói thuyền này được đóng từ gỗ những chiếc thuyền chiến, ngày xưa của ông bà mình chìm giấu hay bị chìm ở dưới sông Đồng Nai. Vì vậy mà thuyền này linh thiêng lắm. Mỗi lần từ trên đình đẩy xuống sông phải có nhang đèn cúng vái nghĩa quân thì thuyền đi đua ấy mới an toàn, nếu có thua thì cũng đi tới nơi về tới chốn. Mũi thuyền và lái thuyền được chạm trổ giống như đầu rồng và đuôi rồng. Hai chục người bơi ngồi thành hai hàng mặc áo may ô đỏ, quần cụt đen. Mỗi người cầm một cây dầm sơn trắng. Nhìn chiếc thuyền lướt sóng băng băng người ta dễ tưởng thấy một con rồng đỏ dang cánh trắng đang bay trên mặt sông. Tám Phát và Năm Chà là hai tay bơi giỏi nhất xã, ngồi trước mũi thuyền. Anh Hai Tấn mặc áo vàng quần cụt trắng tay cầm phèo – la đứng giữa thuyền làm đốc chiến. Cha tôi mặc áo dài xanh, thắt lưng bằng lụa đỏ, cầm xà – bát đứng sau lái. Chưa lúc nào tôi thấy ông đẹp và oai nghiêm như hôm nay. Hầu hết các tay bơi dưới thuyền đều là học trò cũ của cha tôi. Từ ngày bị cấm học võ tới giờ, ít có lần nào tụ họp được đông đủ như vậy. Nhìn những bộ ngực nở nang, những bắp thịt trên vai trên tay của họ nổi lên cuộn cuộn ai cũng tin tưởng được rằng thuyền này không thể thua trong cuộc đua sắp tới được.

- Hè bơi, Hồ bơi...

Sau mỗi tiếng hô như vậy là một tiếng phèo la gõ nhịp đều đều. Hai mươi cây dầm sơn trắng chém xuống nước rồi rút lên một lượt. Hai mươi cái đầu người cúi chồm tới trước rồi ngửa ra sau đều như một cái máy. Chiếc thuyền lướt tới trước như muốn cất cánh bay. Mặt nước bị con thuyền rẽ làm hai như một cây tre xanh bị chẻ bởi một lưỡi rựa bén ngọt. Người đốc chiến vừa hô, vừa gõ phèo – la, vừa làm điệu bộ cũng khom xuống, ngược lên như người bơi vậy. Mắt dăm dăm nhìn về phía trước người lái thuyền điều khiển cây xà- bát to một cách gọn gàng trong tay. Hai đầu của chiếc thắt lưng bằng lụa đỏ của ông bay về phía sau dài như đuôi phượng. Nước sông reo mừng vỗ sóng lách tách vào bờ. Hai bên sông người xem trầm trồ khen ngợi, hò reo mỗi khi thuyền qua ngang một xóm nào, hoặc lúc thuyền quanh gấp mà không bị lật chìm. Trẻ con trong làng từng đám chạy lên chạy xuống trên bờ sông như đua với con thuyền.

Sau hai vòng bơi tập từ bên đò Bà Miêu xuống bên đò dưới con thuyền ngừng lại để làm lễ xuất hành và từ giã để lên đường. Một bàn nhang đèn và trái cây được dọn trên bãi cát tại bên đò trước nhà tôi. Lão Cả Hội đóng khăn đen, mặc áo dài chấp tay trước bàn thờ lạy ba lạy. Ba hồi trống vừa dứt, cha tôi đồng dạc hô:

- Anh em!

Một tiếng “dạ” vang rền mặt sông như từ đời xưa còn vọng lại làm nổi da gà cả những người đứng xem.

-Phen này đi “quyết chiến” đem danh dự về cho làng ta, nghe không!

- Dạ!

Tiếng dạ của toán thuyền trả lời, ngân dài mãi trong tai tôi. Mẹ tôi nói ngày xưa mỗi lần nghĩa quân xuất quân cũng làm lễ như vậy, chỉ còn khác là không kêu “Anh em!” mà người hô lệnh kêu “Nghĩa quân!”. Nhìn cảnh xuất phát của chiếc thuyền hôm nay, tôi cứ tưởng như thấy một chiếc thuyền của nghĩa quân xưa đang xuất trận. Dù chiếc thuyền đua đã đi khuất tự lâu rồi mà lòng tôi cứ hồi hộp, xôn xao như mặt sông gợn sóng.



Giờ đua thuyền đã đến. Dân trong thị xã Biên Hoà như dồn hết ra hai bên bờ sông Đồng Nai. Các cuộc chơi khác như liếm chảo, nhảy cao, leo cột chỉ còn lơ thơ một ít người xem. Sông ở đây rộng và đẹp hơn khúc sông ngang qua nhà tôi nhiều. Bề ngang mặt sông rộng gần năm trăm thước. Đầu trên và đầu dưới có hai cái cù lao như hai chiếc tàu khổng lồ đậu giữa sông. Đó là cồn Giáo và cù lao Hiệp Hoà. Sông rộng, cầu to, nhà cao phố lớn, thuyền bè xe cộ dập dìu, người đông như kiến cỏ. Biên Hoà là thị xã của tỉnh tôi đó, cách làng tôi có chừng hai mươi cây số, mà hơn mười tuổi tôi mới được đến lần đầu. Nhưng mọi điều mới lạ không hấp dẫn tôi bằng cuộc đua thuyền sắp tới.

Dân thì ngồi dưới thuyền, bè, hay đứng hai bên bờ sông mà xem. Trẻ em đứa nào trèo được như tôi thì leo lên cây ngồi hay đeo trên cột đèn. Có mấy đứa nhỏ còn được cha mẹ, anh chị cõng trên vai. Những người được mời thì được vào trong khu Toà Bó có lính gác cửa và hàng rào sắt chung quanh. Trong khu này cũng đông lắm, đại diện hương chức, nhà binh v.v... Các quan chức mặc chỉnh tề đi xem hội nhưng cũng chỉ đứng xúm xít trên cỏ gần bờ sông mà xem. Chắc là lão hương cả và hương quản xã tôi cũng ở trong đám đó. Kìa rồi, tôi đã nhìn ra chúng đang đứng gần cái đầu cầu gỗ bắc từ bờ ra cái nhà sàn trên sông. Đó là cái nhà mát của thằng Tây chủ tỉnh, nhằm ngày lễ được dùng làm khán đài chính để xem đua thuyền, chừng vài chục “ông Tây”, “bà đầm” và cả “Tây con” nữa có lẽ là khách mời từ Sài Gòn qua đang ngồi quanh mấy bàn tiệc đầy rượu thịt và trái cây. Nhìn đám Tây mắt xanh mũi lõ này no nê phê phờn với mấy đám hương chức hội tề đang khúm núm trên bờ giống như bầy chó chực xương.

Có hai mươi chiếc thuyền đại diện cho các tổng các xã ven sông tham dự cuộc đua. Mỗi chiếc thuyền đua được sơn một màu khác nhau rất đẹp. Chiếc sơn màu xanh là của xã Tân Trạch ở cù lao, có tiếng bơi giỏi từ trước tới nay.

Thuyền trắng hình con phượng là của cù lao Hiệp Hoà. Thuyền vàng hình con Lân là của xã Tân Ba. Thuyền trắng hình con cá là của xã Long Điền chuyên nghề chài lưới. Thuyền sơn màu tam sắc là của thị xã Biên Hoà. Đội thuyền này cũng mặc ba màu áo: ở trước mũi mặc màu xanh, ở giữa màu trắng và phía sau lái các tay bơi mặc màu đỏ; trông xa như một lá cờ Pháp đang nổi trên sông. Thuyền này đáng sợ nhất vì tập hợp toàn lính làm các tay bơi. Chúng được nghỉ một tháng để tập bơi, nếu về nhất còn được nghỉ một tuần xả hơi nữa. Những kỳ đua trước, mấy thuyền muốn qua mặt chúng đều bị chúng đánh bằng dầm đến chảy máu đầu, máu mũi. Có thuyền còn bị chúng nhận chìm giữa sông để chúng qua mặt. Mấy con thuyền khác thì ít được để ý hơn. Con rồng đỏ cánh trắng của xã tôi nằm giữa có vẻ hiền ngang nhất.

Hàng ngàn người hồi hộp chờ xem mà các “ông Tây bà đầm” còn đang nói chuyện đùa giỡn, chưa có lệnh bắt đầu. Tôi bị lính đuổi phải tuột khỏi cây này leo lên cây khác ba lần mà thuyền đua vẫn chưa được bơi. Cuối cùng, mới thấy một tên đội mã – tà hai tay bưng một cái hộp như cái khay đựng trâu đến dâng trước thằng Tây chủ tỉnh. Thằng Tây đứng dậy mở hộp, lấy ra một khẩu súng nhỏ như súng lục và bước lên một bước ra ngoài. Nó giơ súng lên trời và đếm:

-Un, deux...trois! (một, hai, ...ba!)

Tiếng súng lệnh vừa nổ “đoàng” thì đoàn thuyền tranh nhau phóng tới như tên bắn. Chỉ còn một chiếc đứng yên tại chỗ như không nghe tiếng súng lệnh. Trời đất, đó lại đúng là con rồng đỏ cánh trắng của xã tôi. Dân hai bên bờ la ó:

- Làng nào đó? Bỏ cuộc rồi! Chịu thua rồi!

Bọn Tây cũng la:

- Forfait! Forfait! (Bỏ cuộc! Bỏ cuộc!)

Tôi thất vọng đến đổ mồ hôi trán. Nhìn thấy tụi Cả Hộ, Quản Chỉnh cúi đầu xuống, chắc chúng muốn chui xuống đất mà trốn.

Bỗng tiếng của cha tôi đồng dục thét lên vang dội khắp hai bờ sông:

- Anh em!

- Dạ!

- Phen này “ quyết chiến” đem lại danh dự về cho làng mình nghe hông!

- Dạ!

Tiếp liền theo là tiếng phèng – la của anh Hai Tán. Con rồng đỏ uốn mình. Hai cánh trắng của nó như hai con dao khổng lồ chém xuống nước rồi khoát nước tung bay đuổi theo đoàn thuyền trước mặt. Tiếng hoan hô như sấm dậy hai bên bờ sông. Hàng ngàn cặp mắt chăm chú theo dõi chiếc thuyền đỏ lừng ấy. Nó đã đuổi kịp rồi vượt qua một, hai rồi ba chiếc thuyền của đoàn đua. Bị còn Giáo che khuất, nên tôi không thấy được nữa, chỉ phập phồng chờ đợi. Qua khỏi còn Giáo, chiếc thuyền đỏ chỉ còn thua năm chiếc lợi hại nhất là Tân Trạch xanh, Hiệp Hoà trắng, Tân Ba vàng, thuyền tam sắc của thị xã và một chiếc nào đó nữa. Nhưng con rồng đỏ mỗi lúc một bay nhanh trông thấy, Cả Hột và Quán Chinh mừng rỡ ra mặt. Người xem bắt đầu xôn xao đoán coi thuyền nào về trước và đánh cá.

- Ghe đỏ về nhứt.

- Làm gì nhứt nổi. Ghe xanh lẹ như gió kìa.

- Nước bơi của ghe vàng bền hơn.

- Nhưng không ghe nào dám qua mặt ghe tam sắc đâu, cá mòi ăn một tôi cũng dám cá nè...

Một thằng lính mã – tà đứng dưới gốc cây tôi ngồi nói một cách quả quyết như vậy. Trong lúc đó con rồng đỏ đã vượt lên đứng thứ ba rồi. Đến chân cầu Gành nhờ quanh gấp một cái, nó đã bỏ một chiếc nữa ra sau và đang đuổi theo chiếc thuyền tam sắc để về đích của cuộc bơi ở trước khán đài chính.

Nhìn thấy chiếc thuyền tam sắc đang dẫn đầu cuộc đua, bọn lính mã – tà nhảy nhót tung bưng. Dân thị xã cũng mừng lắm phát khăn, phát mũ hò reo. Bọn Tây trong nhà mát cũng reo lên:

- Vive la France! (Nước Pháp muôn năm!)

Nhưng người ta thất vọng dần dần. Con rồng đỏ cánh trắng vẫn đuổi gấp theo như bay trên mặt nước. Chỉ còn năm chục rồi hai chục thước nữa là bắt kịp thuyền trước. Anh Tám Phát, đứng là anh Tám Phát rồi, đứng hẳn lên mũi thuyền dùng cây dầm để múa đao. Cây dầm trắng trong tay anh quay thành những vòng loang loáng trước mũi thuyền càng làm cho con thuyền của làng tôi thêm vẻ linh thiêng, thần thánh. Chỉ còn mười chín tay bơi mà con thuyền đỏ cũng bắt kịp thuyền trước. Người ta hồi hộp chờ một cuộc xô xát xảy ra giữa hai con thuyền. Nhưng không, con rồng đỏ vẫn lướt qua thuyền tam sắc một cách

bình yên và về tới đích trước nhất trước sự kinh ngạc và tiếng hoan hô vang dậy của dân chúng hai bên bờ sông.

Trong lúc Cả Hộ và Quản Chỉnh được thăng Tây chủ tỉnh đến bắt tay khen ngợi và thưởng cho hai cốc rượu thì dưới thuyền đỏ anh em trong đội thuyền bùm từng bùm nước sông Đồng Nai giải khát.

Cha tôi cho tôi theo thuyền trở về xã. Ngồi trên thuyền tôi nghe anh Hai Tán nói:

- Nhờ vong hồn nghĩa quân phù hộ, mình không thềm theo súng lệnh của thăng Tây mà vẫn về nhất như thường.

Con thuyền chiến thắng bơi ngược con sông dài trở về làng tôi nơi rừng thẳm.

☆☆☆

- Bớ ò! Ò o! Hú...ú...u.

Tôi đang ngủ say sưa bỗng nghe tiếng gọi ò văng vẳng bên kia sông. Mơ màng tôi nghĩ: “Kê, mệt quá, ngủ thêm chút nữa rồi qua rước người ta cũng được”. Để cho người ta khỏi gỏi phá giấc ngủ, tôi cố gắng ngóc đầu lên, mắt vẫn nhắm nghiền, ú ớ trả lời cho bên kia sông:

- Nghe rồi! Tôi còn mắc ăn cơm!

Một loạt tiếng cười phá lên như một tràng pháo nổ kể bên tai tôi. Tôi giật mình mở choàng mắt. Cả lớp học đang nhìn tôi, cười sặc sụa, có đứa cười lăn cười bò dưới gạch như đang lên cơn không kìm chế được. Tôi cũng tẽn tẽn cười, đưa tay lên đầu gãi gãi. Nhưng tôi không cười được lâu. Thầy giáo Hứa đứng ngay sau lưng tôi đã kéo vành tai tôi đau điếng. Ông dùng bàn tay xách tai tôi mà kéo tôi đứng dậy, lôi ra khỏi bàn, đẩy tôi đứng trước bảng đen, dẫn tôi ngã xuống gạch rồi mới chịu buông tai tôi ra. Tôi lấy tay rờ lên lỗ tai bị kéo cảm tưởng như nó bị rút rời theo mấy ngón tay như càng cua kẹp của thầy rồi. Biết mình đã bị bắt quả tang ngủ gật trong lớp, tôi lẳng lẳng co hai tay lên lót dưới mặt, ằm úp xuống gạch chờ đòn.

Đúng là con không đẻ không thương. Năm roi của thầy giáo Hứa như năm đòn côn của người thù người oán. Tôi chỉ có một cách trả thù là không thềm khóc. Hai tay xoa hai bên hông đau rát, tôi đứng dậy thật lẹ làng và nói tỉnh khô:

-Xin thầy cho phép tôi về chỗ.

-Quì xuống đò.

Tôi quì, hai tay khoanh trên ngực, quay mặt xuống lớp như mọi lần khác. Hơn ba chục cặp mắt của học trò lớp nhờ trường Mỹ Lộc đang nhìn tôi. Nhiều đứa vẫn còn bụm miệng cười như chưa bao giờ được coi một vở hài kịch hay như vậy. Sau này tôi mới biết là khi đang dạy Toán thầy Hứa thấy tôi kê đầu ngủ ngon lành. Biết nhà tôi chèo đò ngang, thầy nhẹ nhàng đến sau lưng tôi, ghé tai lên tiếng gọi đò. Đó là tiếng gọi đò hồi nãy tôi nghe được. Tôi ngỡ đang ngủ ở nhà và có người gọi đò thật bèn trả lời còn bận ăn cơm. Và rồi màn kịch kết thúc là tôi bị quì trên bảng này.

Người có vẻ thích chí nhất là trò Cương, học trò giỏi nhất lớp, con của xã Đắc ở xóm tôi. Nhà của Cương lợp ngói, có nhiều ruộng, nhiều trâu. Quần áo của nó lúc nào cũng lành lặn và sạch sẽ chớ không rách hay dính đầy sinh lầy như quần áo tôi. Nó thuộc dòng họ có vai vế trong vùng. Bác nó làm Hội đồng, nó còn có ông chú là Phủ Ngôn và Đội Các. Thầy Hứa rất ưu ái nó, không biết vì nó học giỏi hay vì dòng họ nó có nhiều người ông lớn. Thầy thường giao cho nó trông chừng học trò nào ngủ gật thì báo cho thầy. Đôi lúc nó còn được thay thầy cầm thước kẻ bằng cầm lai khẻ tay đưa nào tới lớp mà mặc đồ rách, bẩn, hay không thuộc bài. Một lần tôi cũng bị nó thay mặt thầy đánh ba roi vì tội đánh nhau với thằng Lộ, con của Hội đồng Giác, bác ruột nó. Nhưng nó không dám đánh tôi đau vì nó biết tôi sẽ không tha cho nó khi ra đồng hay về tới xóm. Nhưng tôi sợ nhất là cái cười của mấy đứa con gái lớp tôi. Chỉ có ba đứa nó đó là Huệ con thầy giáo Hứa, Sứ con thầy phó Kê ở xóm Đền và Lan nhà ở Tân Hoà. Sứ và Huệ thì lần nào tôi bị đòn cũng cười tôi như tụi con trai khác. Hai đứa ngồi ngay bàn đầu nên thấy rõ những lỗ rách của quần áo tôi, vì vậy tôi ngán cái cười có vẻ khinh bỉ của chúng nó hơn ai hết. Chỉ có Lan là ít cười tôi nhất. Mỗi lúc bị đòn tôi thấy cặp mắt của Lan nhìn tôi đầy vẻ thương cảm y hệt như mắt mẹ hay mắt chị tôi khi tôi bị cha tôi đánh đòn. Một lần bị phạt, bị làm nhục như thế này, tôi vẫn lấy cặp mắt của Lan làm chỗ nương tựa, an ủi cho mình.

Thầy Hứa tiếp tục giảng bài tự bao giờ tôi cũng không hay. Đầu óc tôi cứ mông lung bao nhiêu ý nghĩ. Không biết sao thầy tôi ác thế. Áo rách một chút cũng đánh, đuổi về thay, mất cả một buổi, một ngày học. Có đứa không có áo lành thay phải ở nhà đi chần trâu luôn như thằng Liễn, thằng Cờ. Không thuộc bài cũng đánh, ngủ gục cũng đánh, tay bản sách dơ cũng đánh, đánh nhau cũng đánh...Hình như hũ gạo của thầy là chiếc roi mây và cây thước bảng, không xài nó hàng ngày là thầy không sống được. Mỗi lần đánh phạt học trò, thầy nheo một con mắt, méo cái miệng làm như thầy cũng đau lắm, nhưng thầy cứ đánh hoài, xách tai hoài. Đặc biệt thầy Hứa không bao giờ kêu tên tôi mà biết nhà tôi chèo đò ông cứ chế nhạo bằng cách mỗi lần gọi tôi lên bảng là kêu: “Bớ đò!” làm tụi bạn trong lớp cười rúc rích. Chắc tại nhà tôi không có trâu có ruộng,